

Feb 19, 2014
sadec1

THUẬT SỐNG DŨNG

TỔNG LUẬN NHỮNG NHON ĐỨC ĐỐI
KỶ, ĐỐI THA, ĐỐI THIÊN HAY LÀ
NGHỆ THUẬT ĐÀO LUYỆN ỐC LẬP CHÍ,
TRÌ CHÍ VÀ ĐẠT CHÍ

LOẠI SÁCH « HOC LÀM NGƯỜI »

*Trang lặng
những cuộc đời đang lên mà trong
đó người ta hi vọng hình bóng nền
móng của gia đình, ruộng cội của
dân tộc, thành lũy của nhân loại và
hiếu tử của Thượng-Đế.*

HOÀNG-XUÂN-VIỆT

TIA SÁNG

Có điều tất yếu cho con người hơn cơm ăn áo mặc. là Đức-dục.

SOCRATE

Tự Thiện Tử dĩ chí u thứ dân nhất thi giai dĩ tu thân vi bản.

KHÔNG TỬ

Trên tử sáng, qua bên kia thế giới, còn lại cho người có nhan sắc, sức khỏe, của tiền, quyền chức, tài cao cái gì? Tội ác hay nhân đức?

WATERSTONE

*Văn minh Âu Á trời thần sạch.
Này lúc cương thường đảo ngược ru?*

TẢN ĐÀ

Những nền giáo dục tốt đẹp nhất, sẽ trở thành tồi bại nếu không còn lấy luân lý làm nền tảng.

NAPOLÉON

TỰA

Lật lịch sử văn minh thế giới bạn thường thấy hai thứ người mà tên tuổi bất diệt trên không gian và thời gian. Đó là vĩ nhân và thánh nhân. Tôi muốn hiểu vĩ nhân là những bậc đa tài xuất chúng trong các ngành văn hóa, nghệ thuật, khoa học hay những vị lương đồng ra vào trận mạc bách chiến bách thắng. Bạn có thể gọi Archimède, Michel Auge, hai ông bà Curie, Nã Phá Luân, thống chế Foch là những vĩ nhân.

Còn thánh nhân, tôi hiểu là những bậc người nuôi lý tưởng đạo hạnh can đảm, chiến thắng tình dục, vượt chúng trong việc thực hiện những nhân đức và lấy cuộc sống hiện thế làm bàn đạp cho cảnh đời lai sinh vĩnh phúc. Một Không tử, Thích ca, một Gandhi và chính tông hơn, một Bảo lộc, một Thomas D'aquin, một Curé D'ars, một Gèneviève, một Audré, một Elisabeth là thánh nhân. Người ta có thể gọi những bậc trước là anh hùng đời và các vị sau là anh hùng đạo. Cả hai đều là những kẻ siêu quần vì biết khai thác đặc lực nguồn tình cảm, trí tuệ và ý chí của mình. Nhưng nếu tế nhị hơn một chút, bạn thấy anh hùng đời và anh hùng đạo có những dị điểm quan hệ. Trước hết anh hùng đạo là những người tự chiến thắng mình: nghĩa là tự mình cầm cương các tình dục xấu trong mình. Còn anh hùng đời thường là những kẻ điều khiển thiên hạ. Song họ không như thiết làm chủ lấy mình. Một anh hùng đạo như Thích ca dám gan mật ra đi tìm đường tự giác,

bỏ lại sau lưng vợ đẹp con xinh, vàng kho bạc lăm. Một anh hùng đời như Nã Phá Luân, đã một thời cầm trọn trong tay vận mệnh Âu-Châu, đi đến đâu thì sông phải cạn, núi phải tan. Vậy mà con người ấy, một thời phải lận đận vì ái tình, một mặt hò hét hàng vạn tinh binh, một mặt ngoan ngoãn như búp bê cái liếc của nàng Joséphine. Anh hùng đạo thẳng mình. Anh hùng đời thẳng kẻ khác. Lão Tử phê bình về họ : Thẳng hơn giả hữu lực, tự thẳng giả cường. Anh hùng đời là người có sức mạnh căn cứ vào sức khỏe, quyền chức, tiền bạc, vũ khí. Còn anh hùng đạo có thể là kẻ tay không về những điều kiện này ; nhưng làm chủ mình : Họ là những người anh dũng chính tông.

Xét phương diện các khả năng trong con người, ta thấy anh hùng đời phát triển chu đáo trí tuệ. Nó mình mãi giúp họ thấy xa hiều rộng. Tình cảm nơi họ cũng dồi dào, được khai thác xô đẩy họ say mê phục vụ đường lối khoa học, nghệ thuật hay chính trị mà nhờ trí tuệ sáng suốt họ thấy. Ý chí là nguồn hoạt động có khả năng cung cấp cho họ nghị lực chịu đựng gian lao. Nhưng cách chung : người thấy họ hoặc bỏ hoang hoặc cầu thả một năng lực tinh thần là lương tâm. Đòi hỏi căn bản của lương tâm là trong sạch, giàu có nhân đức. Lương tâm sống về cuộc sống lai sinh, vĩnh cửu, coi cuộc sống hiện thế làm phương thế. Người anh hùng đạo ngó xuyên qua kiếp nhân sinh cao lăm là trăm năm, một cái gì lâu bền làm thỏa mãn cho con người hoàn toàn. Cái gì đó, đời phải có lương tâm bằng tuyệt, thánh thiện. Tôi không cần nói vai trò quan hệ của lương tâm trong sự quyết định trường cửu khi con người là trâu. Ai cũng biết vì cuộc đời là mây nổi nên từ xưa

chúa đến thử dân, dưới lưỡi liềm của Tử-thần đều tay trắng. Mỗi người chỉ được đem theo mình ; qua bên kia cuộc đời, hoặc công đức hoặc tội lỗi mà lương tâm là kho chứa và chịu trách nhiệm. Tôi không muốn bạn lưu ý lương tâm trong chức vụ siêu quyền ấy. Mà chỉ xin bạn chiếu cố hai tác dụng đặc biệt này của người biết trui luyện nó đối với chính mình và đối với tha nhân. Một lương tâm được rèn đúc trong bầu khí thanh sạch và thánh thiện sẽ trở thành nguồn dũng khí cho con người. Tôi muốn nói khi một mặt tiêu cực tránh các tật xấu, mặt khác tích cực thi hành những tập quán tốt mà các nhà luân lý học gọi là nhân đức, khi bạn làm như vậy, tôi nói bạn là người Dũng Trong cuốn Đức Điền Tinh chắc bạn không quên tôi nói Dũng là lý tưởng cao đẹp nhất của con người.. Với đức Dũng, bạn sống cuộc đời nội tâm và xã hội trong tình trạng hoạt động quân bình của lý trí, ý chí và tình cảm. Lý trí giúp bạn sáng suốt. Ý chí bắt buộc bạn cương quyết. Tình cảm khiến bạn dịu dàng. Ba năng lực vừa nói, con người của bạn, tác động điều hòa, chu đáo trong cương vị của mình. Không năng lực nào lấn áp năng lực nào. Đối với mình, bạn tự trị, an phận, nhất là không bao giờ thấy lòng xao xuyến. Trên đường đời lặn lội ăn chịu các đau khổ để thể hiện nghề làm người cách vui tươi. Đối với tha nhân, có thể bạn nghèo nàn, đau bệnh, kém tài ; nhưng nhất định luôn được trọng phục. Người ta thấy bạn bác ái, công bình, điềm đạm, vui vẻ, v v ... Ai mà không cảm mến Nhân đức tự nó hay lấy mà.

Bạn có sức khỏe nếu không như một Hạng Vương thì như một Andréle Gall, con người đã một thời dùng răng

lỗi nời máy cày nặng trên trăm ký lô, trì lại nời một phi cơ gần hai trăm mã lực vô phương cất cánh. Bạn mừng. Bạn lên như diều trên đường kinh doanh mà tên tuổi đứng ngang vua xe hơi, dầu lửa, thép của Pháp và Hoa Kỳ. Bạn càng mừng. Bạn đủ trí như một Solômông, quyền hành như một Nã Phá Luân. Bạn rất mừng. Nhưng thưa bạn. Bạn sẽ mừng hơn khi bạn đi con đường của một Thích Ca, Socrate, Khổng Tử. Anh hùng đời hay lắm đấy. Mà nó là lý tưởng của một số người mà anh hùng đạo là lý tưởng ai cũng phải thờ phượng. Cuốn sách bé mọn này được soạn ra để giúp bạn phần nào để phục vụ lý tưởng đó. Nó không phải là phép màu gì đâu. Mà chỉ là những bí quyết có thể giúp ta nỗ lực trên đường thiện. Còn xa quá con đường thánh nhân, mà ta cố gắng chùng nào hay chùng này, cũng đỡ đỡ, phải không bạn. Tinh thần vượt tiến mà tôi nhấn mạnh cùng bạn trong toàn quyển này là tinh thần của Lão Ngự Ông trong một danh phẩm của Hemingway mà tôi có dịp bàn qua trong lời tựa cuốn Người Chí Khí. Nghĩa là đương đầu với trở lực, nhấp chạm chậm chèn đỡ tận toan, luôn bám chân lên dốc trơn trượt, có té thì lồm cồm ngồi dậy, đi ngay không được đi quanh. Đông tố trần gian vùi lấp thuyền lòng ta, nhưng ta cứ nhồi lên và hướng về lý tưởng làm người.

Viết quyển này tôi nhớ cách riêng những tuổi xuân vừa bỏ hiên gia đình, trường học để bước chân vào ngưỡng cửa trường đời. Ai ở giai đoạn này của đời sống, nếu muốn làm nên một sự nghiệp tốt đẹp, phải đeo trong mình những bùa linh diệu : Tôi muốn nói một số lớn nhân đức. Chúng ta nông cốt cho tư tưởng, ngôn phong, tác phong

cùng những cử chỉ, thái độ của ta. Chúng đi tiền phong trong sự cấu tạo giá trị con người và theo con người lành qua bên kia bờ cõi cái chết. Xét về mặt thực tế, nhân đức khiến con người ăn chịu với bao nhiêu phiền toái cay độc, éo le của biển đời đầy nước mắt này. Những ai nuôi chúng trong tâm hồn đều có thể bị đời khinh rẻ, lâm cảnh nghèo túng, hoặc gặp đủ thứ thất bại mà tâm hồn luôn nghe lảng lảng sung sướng. Bạn còn nhớ ra ai ca tụng hai cái chết vĩ đại nhất trên trần gian, một của Đức Giêsu và một của Socrate không ? Mà tại sao vĩ đại ? Chỉ tại thánh đức. Đời lên hương thật chỉ nhờ thánh đức.

Đề giúp đời bạn có ý nghĩ quyền Thuật Sống Dững này ra đời mà phần lý thuyết về nhân đức chỉ bàn đại cương. Tôi chú trọng nhất những thực tập nhân đức. Các nhân đức được trình bày theo bốn khối. Mỗi khối có đức căn bản, rồi đến các đức do đó phát sinh ra. Mỗi đức thường được bàn theo thứ tự này : 1) Định nghĩa, 2) bản tính, 3) hình thức, 4) phân loại 5) sự hệ trọng, 6) phương thế luyện tập của nhân đức, 7) và những danh ngôn, 8) tự ám thị. Những vấn đề tôi bàn cùng bạn, cách chung là những vấn đề tự bản chất hơi khó hiểu. Chúng thường được bàn trong những lớp tu tài phần nhì hay ở đại học khi người ta nghiên cứu về luân lý học. Vấn đề khó. Nó đòi nhiều suy nghĩ. Nếu đọc tôi mà không thấy thích vấn đề là tại tôi bất tài trong sự trình bày, chớ tự vấn đề ăn tàng những điều tế nhị rất thâm thúy hoặc sâu sắc. Nếu nói chơi mình gọi nó giống như sâu riêng vậy bạn.

Tôi hi vọng chất bổ dưỡng của nó sẽ đền bù lại mọi cố gắng của bạn và không phần thưởng nào tôi lấy làm hãnh diện thụ lãnh bằng khi đọc xong mấy trang sau bạn nghĩ ngợi nhiều về đời sống nội tâm của mình, chỉ nghĩ ngợi ! Thưa bạn :

PHẦN NHỨT

NHÂN ĐỨC KHÁI LUẬN

« Những ngày tết của mùa xuân
không duyên dáng bằng nhân đức
phát sinh trong một thanh niên. »

Vauvenargues.

ĐẠI QUAN

- 1) Nhân đức với lý tưởng làm người.
- 2) Nhân đức là gì ?

CHƯƠNG I

NHÂN ĐỨC VỚI LÝ TƯỞNG CON NGƯỜI

« *Bạn hãy làm người cho ra người.* »

Pindare

I. — ĐẠI YẾU

- 1) Khoa học Thiện : Câu chuyện Socrate và Xénophon
- 2) Là người và làm người
- 3) Vai trò của đức dục
- 4) Dọn đất lương tâm
- 5) Gieo giống nhân đức
- 6) Danh ngôn
- 7) Tự ám thị

1 — Khoa học Thiện : Socrate, đại triết gia Hy-lạp, ngày nọ gặp một nam thanh niên tên Xénophon trên một con đường ở thành Nhã-Điền.

Triết gia giờ gây ra chận đường thanh niên hỏi : « Anh biết ở đâu bán bánh, thịt không ? » Thanh niên vội vã đáp : « Ở chợ ». Nhà hiền triết hỏi tiếp : « Rồi anh biết ở đâu bán quần áo, giày vớ không ? » Xénophon vừa nói vừa chỉ : « Thì cũng ở chợ ». Socrate khen giỏi rồi hỏi nữa : « Nhưng anh biết ở đâu người ta tập nên người thiện chăng ? » Chàng thanh niên ngơ ngác, thú thật với Socrate từ lâu không hề để ý khoa-học ấy. Triết-gia đáp : « Tất cả những hiểu biết và của cải ích gì cho anh, nếu anh

không thành một người lương-hảo. Chúng ta sẽ biến thành khi giới hại anh, hại xã-hội nếu lương-tâm anh không được giáo luyện. Vậy anh hãy theo tôi. Chúng ta sẽ giúp nhau nghiên-cứu khoa-học cao cả nhất của loài người là : Khoa học thiện. Xénophon nghe lời : Nước Hy-Lạp nhờ đó mà có một công-dân kiến-quốc xứng đáng.

Câu chuyện này, thưa bạn, giúp ta đề ý một vấn-đề tối ư quan trọng của con người là lý tưởng luân-lý. Ai trong chúng ta cũng nhận thấy bằng kinh-nghiệm, tự nhiên chúng ta khao-khát sống thiện. Lắm lúc thấy mình yếu đuối, tội lỗi, tầm thường, chúng ta nghe lương tâm thúc-giục cải-hóa cuộc đời. Bourceau và Fabry nói : « *Mỗi ngày trong muôn ngàn trường hợp, chúng ta cảm thấy sự yếu đuối, sự tầm thường của chúng ta* ». Mà cảm thấy như vậy tức là mặc nhiên chúng ta nhận con người có một lý-tưởng, tuyệt vời phải chiếm đoạt là sống thiện. Cho rằng nên người đường hoàng phải chuyên luyện khoa học thiện. Tại sao ? Vì là người mà không được huấn đức thì không nên người.

2. — Là người và làm người.

Dĩ nhiên là người thì chúng ta hơn nhiều tạo vật vô tri, vô giác về nhiều phương diện rồi. Nhưng khi là người, ta không có quyền sống theo những huấn lệnh xấu của bản năng và làm nô lệ tạt xấu. Ta phải kiềm hãm thú tánh trong ta để nhân-tính phát triển theo đà thánh thiện. Là người, ta phải có lý tưởng : Làm Người. Bồn phận căn bản của ta là trở thành thiện-nhân. Goethe đã mượn câu này của Pindare, khắc trên cửa ông « *Bạn hãy làm người cho ra người* ». Bạn có thể lấy danh ngôn ấy làm tiêu ngữ cho

đời mình. Muốn có lúa phải cày, bừa, gieo, cấy. Muốn nên người, phải luyện đức.

3. — Vai trò của đức dục.

Người ta là người mà không tự nhiên nên người. Người ta trở thành người, người hiểu theo chân nghĩa của nó.

Người xưa chẳng đã nói cách chỉ lý *Homo fit, non est*: con người chứ không tự nhiên nên người. Cho dạng làm người cho ra người dù muốn dù không ta cũng phải nhờ đức dục. Đức dục giúp cho lý tưởng luân lý trong mỗi cá nhân được thể hiện bằng cách rèn đức lương tâm cá nhân ấy ngày một chánh trực, thánh thiện hơn. Sức khoẻ của thân thể cần đồ ẩm thực, vệ sinh, thuốc men, nghỉ ngơi để được bảo đảm, dồi dào thể nào, thì sức khoẻ tâm hồn cần nhân đức mà khoa đức dục là phương thế, thể ấy, Nhờ nó về mặt tiêu cực, ta trấn áp các xạ thức giục bất thiện của bản năng, tránh được những xu hướng, tập quán xấu làm nhân phẩm bị hạ thấp. Một cách tích cực khoa đức dục vạch cho ta thấy các bồn phận của ta đối với bản thân, gia đình, quốc gia, nhơn loại, Thượng Đế. Có người tưởng luân lý đi ngược bản tính con người. Đó là lầm tưởng. Luân lý là bí quyết giúp nhân tính phát triển hợp nhân phẩm. Nó hộ vệ lý tưởng con người, làm cho con người ngày một xứng đáng với danh hiệu mình hơn. Ai tưởng nó là chương ngại vật ruồng bỏ nó sẽ bị sự trả đũa nặng. Florian, một nhà ngụ ngôn nổi tiếng của Pháp có viết một bài ngụ ngôn tuyệt bút thuật lại chuyện lý thú này. Có một chàng khiêu vũ hát xiếc nọ cầm một cây gậy để đi trên một sợi dây nhỏ, chắc, căng thẳng. Thiên hạ bao vây coi đông như kiến cỏ. Lời hoan hô long trời. Cây gậy giúp cho anh giữ thế thăng bằng.

Nhưng anh thấy nó là một chương ngại vật. Anh quăng nó và đi tay không với ngụ ý đề cao tài xảo thuật của mình hơn. Tội nghiệp quá: vừa quăng gậy, anh lao đảo, mất quân bình, té từ trên cao xuống nền gạch. Anh gãy sống mũi. Hồi nãy lời hoan hô long trời bây giờ lời cười nhạo lở đất. Thưa bạn, luân lý xem ra chương ngại đời ta, nhưng chính nó giúp ta bước vững trên đường đời. Bỏ nó, ta sẽ té lăn xuống hố sa đọa. Nhân phẩm bị chìm xuống đất đen. Đề khoa học thiện được gây nhiều kết quả, vấn đề đại hệ như là trui rèn lương tâm.

1. — Dọn đất lương tâm.

Nếu trong công cuộc giáo dục con người đức dục chiếm địa vị quan trọng thế nào thì

trong sự huấn đức việc đào luyện lương tâm cũng quan trọng thế ấy. Sống thiện, sống đúng nhân phẩm là vấn đề của lương tâm. Chớ không phải chỉ là hiểu biết nhiều nguyên tắc, học thuyết luân lý mặc dầu việc này vẫn cần thiết. Sống nên người là biết nhận đúng cái ác để tránh, cái thiện để theo. Mà làm sao nhận đúng những điều ấy nếu không chạy đến lương tâm. Pascal nói: *Lương tâm là cuốn sách luân lý hay nhất mà chúng ta phải tham khảo hơn hết* Thật vậy. Đứng góc cạnh luân lý, người ta phải nói lương tâm là cơ quan phán đoán tính chất luân lý thiện hay ác của các tác vi nhân linh, là những việc làm mà con người làm với ý thức, chịu trách nhiệm về chúng. Foulquié dựa vào định nghĩa của cuốn *Vocabulaire de la société de Philosophie* viết: *Lương tâm luân lý là đặc tính mà tính thần con người nhờ đề đưa ra những phán đoán thẳng mực, tự nhiên, tức khắc về giá trị của một vật hạnh vi cá nhân nhất định*. Trước khi hành

vi xảy ra, nó cho ta biết hành vi tốt hay xấu theo lý tưởng luân lý. Hành vi xảy ra xong, lương tâm sẽ gây trong ta những tâm tình lúc nó phản ứng trước việc thiện hay ác. Tâm tình hân hoan nếu là bổn phận được thi hành. Tâm tình hối tiếc nếu ta làm lỗi. Bởi vai trò lương tâm tối hệ như vậy nên khi bàn về nhân đức người ta phải nghĩ ngay huấn luyện lương tâm. Trong xã hội loài người có hai hạng người đáng kính là anh hùng và thánh nhân, như là thánh phật. Thánh nhân sở dĩ đáng kính như vậy các việc thiện của họ căn cứ vào lương tâm mà bất kể phán đoán của con mắt người đời. Trên đường làm người ta phải theo gót các thánh nhân. Anh hùng nơi trận mạc thì hay lắm; nhưng hay hơn là anh hùng trước sự tấn công của tình dục, xu hướng xấu, tập quán xấu. Làm được một Nã-phá-Luân thì oai thật, nhưng không được không sao. Mà như thế định phải nỗ lực đi con đường của Socrate, Francois d'Assise là đường tu đức.

Muốn có một lương tâm lành mạnh trước hết phải biết phân biệt các thứ lương tâm và đào luyện riêng lương tâm chính trực. Chúng ta đã biết nhiều loại lương tâm. Như đối với chân lý, thì có lương tâm chánh trực, lương tâm sai lầm. Lương tâm sai lầm chia ra lương tâm quá rộng, quá hẹp và bối rối. Còn đối với cá nhân, lương tâm có thể gọi là chắc chắn hay hồ nghi. Ở đây ta chỉ quan tâm sự huấn luyện lương tâm chính trực. Bí quyết là: 1) Đừng khi nào cả lòng làm nghịch lương tâm. Ai có ý cãi mệnh lệnh lương tâm một lần có thể bất tuân nó nhiều lần. Một lương tâm bị bất phục nhiều lần trở thành vô hiệu, sau cùng sai lạc. 2) Đọc nhiều sách báo dạy về lương tâm. 3) Nghe giáo huấn về đạo lý. 4) Noi gương các

bực giàu lương tâm như cha mẹ lương thiện, thầy giáo lành nghề. 5) Bàn chuyện tâm hồn với những cổ vấn đạo hạnh, thông minh. 6) Tĩnh tâm, tự kiểm thảo.

Có được một lương tâm chính trực là đã bước một bước dài trên đường tâm đức. Người ta chỉ còn lo luyện các nhân đức là nên người tốt đẹp.

5.— Giọt giống nhân đức.

Stahl nói: Các nhơn đức nhỏ không chiếu rạng mà chúng phát mùi thơm: đó là những cảm hoa của tâm hồn ».

Những cảm hoa ấy phải được ương trồng trên đất lương tâm một cách liên tục thì con người mới trở nên mỹ hảo. Bản tính con người không phải ác như Tuân-Tử chủ trương nhưng nó bị nhiễm độc bởi nguyên-tội. Do đó con người có tình dục xấu, thúc đẩy tâm hồn té vào những khuyết điểm hay tội lỗi. Trên bước đường tu đức, sau khi làm công việc tiêu cực là chiến đấu với bản năng, là chuẩn bị lương tâm chính trực, con người phải luyện những nhân đức ăn thua đến bản thân, gia đình, nhơn loại và Thượng-Đế. Như vậy ta thấy chính nhân đức là điều kiện tất yếu để ta chiếm đoạt lý tưởng làm người. Có thể nói cách khác, làm người là thực hiện những nhân đức mà nhân phẩm cần nó để phát triển đầy đủ.

6 — DANH NGÔN

1) Một nền giáo dục toàn bích phải gồm thể dục, trí dục, lương-tâm dục, tính giáo dục, chí dục, giáo dục và xã dục.

Waterslone

2) Một trong những điều kiện chắc chắn nhất để hạnh-phúc là có thể nhìn toàn thể đời sống mình mà không hổ thẹn và không bị lương tâm cắn rứt.

Condorcet

3) Đối với điều thiện, nhân đức ở điểm cao nhất.

Aristote

4) Thích kỷ dĩ giáo dân giả nghịch, chính kỷ dĩ giáo nhân giả thuận : tha thứ để dạy mình là nghịch, sửa mình để dạy mình là thuận.

Tổ-Thư

5) Cho một quốc gia, sự ngu dốt một Thượng-đế chân thực là một trong những tai nạn xấu-xa nhất.

Platon

7 — TỰ ÁM THỊ

Tôi là người. Tôi có bốn phận chiêm đoạt lý tưởng làm người cho ra người bằng cách tu tâm, luyện đức.

CHƯƠNG II

NHƠN ĐỨC LÀ GÌ ?

« Làm một người đức hạnh là làm một chuyến phiêu lưu lớn lao, táo bạo hơn ghe buồm đi quanh trái đất. »

Chesterton

I.— ĐẠI YẾU

- 1) Lời trời của thánh François d'Assise
- 2) Định nghĩa nhơn đức
- 3) Thứ loại nhân đức
- 4) Sự gia giảm hay tiêu trầm của nhân đức
- 5) Công nghiệp
- 6) Tinh thần bất vị lợi
- 7) Anh hùng
- 8) Trọn lành
- 9) Thánh
- 10) Cần thiết nhân đức.

1— Lời trời của thánh François d'Assise...

« Không ai chỉ cho tôi phải làm cái gì, nhưng Đấng tối cao mặc khải cho tôi phải sống theo luật của Phúc âm thánh...

Nhưng ai tình nguyện nhận lối sống này sẽ ban bố cho kẻ nghèo tất cả những gì mình có thể có... Chúng tôi thích sống trong những thành đường nghèo nàn, bị bỏ bê và chúng tôi là những kẻ đơn thường đầu lụy hết mọi người. Tự tay tôi, tôi làm việc và muốn làm mãi, và tôi cũng muốn các anh em khác sinh sống bằng lao công lương

thiện. Những ai không có nghề thì học nghề, không phải nhằm mục đích dùng lao công lãnh lợi mà để làm gương tốt và tránh sự ỏ không. Trong trường hợp mà người ta không huân công cho chúng tôi thì chúng tôi chạy đến bàn Thượng đế bằng cách xin của bố thí hết nhà này sang nhà khác. (Trích Un homme appelé. François d'Assise, Léon Poivier — Mame 232 — 233). Đọc mấy dòng trên, những dòng phát xuất do tâm hồn nhơn đức của Thánh François d'Assise, bạn có cảm tưởng gì? Chắc bạn có nhiều ý tưởng ở trong đầu. Và chắc hẳn bạn thấy có cái gì hướng thượng, siêu màu làm cho tâm hồn ta lâng lâng như muốn cất cánh khỏi cuộc đời phũ phàng này. Tôi muốn nói sức mạnh của nhơn đức. Nó tô điểm linh hồn. Nó tạo cho nội tâm một mảnh lực gây kính trọng, khả ái. Ôi! quí đẹp thay! những tâm hồn nhơn đức, như là nhơn đức giữa cuộc đời đầy nước mắt và tội lỗi này.

2. — Định nghĩa nhơn đức.

Pháp văn có tiếng Vertu phát xuất bởi tiếng latin Virtus. Tiếng này mang gốc tiếng vir: người ta dùng theo nguyên

ngữ chỉ đức anh dũng thuộc nam tính. Một danh từ Hi-lạp arete cũng có nghĩa giống virtus, chỉ đức can đảm.

Có khi người ta dùng tiếng vertu chỉ năng lực phát sinh. Ở đây ta dùng tiếng Nhân đức dịch tiếng « vertu » của Pháp văn hay vertu của La-văn chỉ « tập quán hành thiện ». Nên để ý: nhân đức là tập quán hành thiện, tức là xu hướng liên tục về sự thể hiện việc lành. Nó là một trạng thái thành đức của tâm hồn chứ không phải chỉ là một việc thiện đơn độc. Foulquié nói: « Những tác vi bên ngoài làm cho biết có nó chứ không cấu thành

nó ». Nhận xét ấy đúng. Một ác nhân có thể làm một việc thiện mà không có nhân đức.

Đừng quên một xu hướng tâm hồn cho dạng thành nhân đức phải nhắm đối tượng thiện. Một tên hung ác can đảm rình rập nhiều ngày, nhiều tháng để giết một bà giàu có, cướp của: anh ta có xu hướng can đảm mà không nhân đức. Trái lại... Nhân đức chẳng những là một xu-hướng liên tục mà còn là một năng lực thúc đẩy ta đến việc thiện. Vì đó người nhân đức để làm lành hơn người lạnh nhạt, tội lỗi.

Aristote khi nhận xét nhân đức, nói nó đứng trung dung: « In medio stat virtus ». Phải hiểu trung dung đây là nhân đức đứng giữa những thái cực xấu, chứ không phải người hành thiện phải làm lành cách-trung dung. Ví dụ nói đức can đảm đứng trung dung phải hiểu nó ở giữa sự táo bạo và sự bạc nhược. Còn lý tưởng của người hành thiện thì vô cùng. Người ta luôn phải hướng thượng, tự thánh hóa tận khả năng mới xứng nhân phẩm.

3 — Thứ loại nhân đức.

1) Xét về bản chất, nhân đức chia ra làm hai thứ: tự nhiên và siêu nhiên. Đức tự nhiên

nhắm cái thiện tự nhiên nên nó có do nhân lực dưới sự điều khiển của lý trí lành mạnh. Còn đức siêu nhiên nhắm đối tượng siêu phàm là tình yêu Thượng đế, hạnh phúc vĩnh cửu nên cho dạng có phải nhờ ân sủng.

2) Xét về nguồn gốc, nhân đức chia ra: thiên phú và luyện tập. Nhân đức thiên phú có do Thượng đế ban riêng trong tâm hồn cùng với thánh sủng. Còn nhân đức luyện tập là nhân đức ta có nhờ làm đi làm lại nhiều lần những việc thiện.

3) Xét về đối tượng, nhân đức được gọi là đối thần và luân lý. Đối thần tức lấy Thượng đế làm đối tượng. Bạn tin, cậy, mến Thượng đế : Tôi nói bạn có nhân đức đối thần. Luân đức nhằm đời sống hợp luật tự nhiên, thuận lý trí sáng suốt của con người. Ai cũng có thể có luân đức kể cả người lương, người tội lỗi. Luân đức cần được siêu nhiên hóa để gây công trạng trước mặt Thượng Đế.

4) Xét về trình độ, nhân đức có thể tầm thường hay anh hùng. Gọi là tầm thường khi nó được thực hiện trong điều kiện thông thường của khả năng con người. Khi được thực hiện cách siêu phàm, người ta gọi nó là đức anh hùng.

5) Xét về bản chất : nhân đức được chia ra tự nhiên hay siêu nhiên tùy phương thể có tính cách nhơn loại hay thánh chúa, tùy đối tượng là cái thiện tự nhiên hay siêu nhiên.

Chú ý : a) Triết gia có thể căn cứ vào đối tượng để khi các thần học gia chia nhân đức làm đối thần đức và luân đức, thì họ chia nhân đức làm đối nhân và đối xã tùy sự ích lợi nhân đức đem lại cho cá nhân thì hành nó hay cho xã hội hưởng thụ nó

b) Người ta cũng có thể căn cứ vào các tài năng mà chia nhân đức ra luân đức và trí đức. Luân đức làm cho các xu hướng con người nên thiện hảo. Trí đức giúp trí tuệ sáng suốt, khôn ngoan.

Nhân đức có thể gia giảm hay tiêu trầm :

4. — Sự gia giảm hay tiêu trầm của nhân đức.

1) Những thiên-phủ đức phát sinh nhờ thánh sủng.

Thánh sủng có thể gia tăng nhờ các thiện vi, nhờ sự thụ nhận cách thánh thiện những bí tích. Mà các thiên phủ đức có do thánh sủng nên chúng có thể được gia tăng với điều-kiện này. Những khuyết điểm hay tội lỗi nhẹ làm suy giảm đức ái có thể làm cho tâm hồn mất nhuệ-khí thì hành các thiên phủ đức. Trong trường-hợp này có thể nói thiên phủ đức bị giảm. Chớ xét cho cùng lý thiên phủ đức là đặc ân do thánh sủng nên không thể bàn sự suy giảm hiểu theo nghĩa nhân-loại được. Tội trọng cách chung có thể làm tiêu trầm các thiên phủ đức vì nó đánh rơi thánh sủng. Chúng tôi nói cách chung để hiểu các đức tin, đức cậy, có thể còn khi ta phạm tội trọng miễn đừng phạm những tội nghịch trực tiếp hai nhân đức này.

2) Các luân đức tự nhiên có thể gia giảm tùy các việc thiện sinh ra chúng, gia hay giảm. Chúng ta đừng quên các đức này có do nỗ-lực của con người chứ không do thánh sủng đặc biệt. Một khi con người ngưng hay chống đối một luân đức thì nó mất. Về mặt làm người, cần nhất là nỗ-lực Ai cũng có phần người hạ, nó xô đẩy lương-tâm đến các việc ác. Muốn nên người phải liên-tục nỗ lực tránh dữ, làm lành.

5) Công-nghiệp. Khi bàn về nhân đức người ta hay nghĩ đến công nghiệp. Vậy công nghiệp là gì ? Theo Foulquié, xét nguyên ngữ công nghiệp bởi tiếng la-tinh mereo : Tôi chọn phần, tôi phụng sự. Xét nghĩa rộng là giá-trị của cá-nhân hay công việc. Ở đây phải hiểu công-nghiệp là giá-trị luân lý đáng được thưởng công nhờ nỗ-lực của ý-chí. Hai điều kiện tất yếu để có công nghiệp là việc thiện và cố gắng thể hiện việc thiện. Nói vậy hiểu là người lập công-nghiệp vừa nhằm lý-tưởng, vừa chiến đấu với tất cả

những gì trở ngại làm cho họ khó đi đến lý tưởng. Trở lực hoặc chủ quan hoặc khách quan. Trở lực càng khó chiến thắng mà ta chiến thắng được, công-nghiệp ta càng cao. Trên đường tu đức, sự nỗ-lực đến cực-độ để vượt mình lên lý-tưởng làm người cần thiết, là cao đẹp.

6) *Tinh-thần bất-vị-lợi*. Phải hiểu bất-vị-lợi đây là thứ tinh-thần không quan-tưởng đến quyền-lợi tư-biệt mà chỉ nghĩ đến ích lợi của tha-nhân, của đoàn-thể. Hiểu như vậy thì nó mới là một nhân-đức. Nó có giá trị không phải tại chính nó mà tại những quyền lợi hay lý-tưởng nó nhằm. Muốn có tinh-thần bất-vị-lợi cao cả không gì hay là tạo trong tâm hồn những tâm-tinh cao-thượng, tiềm-hàng hái đối với chí cả.

7) *Anh-hùng*. Ở đây ta không hiểu người anh-hùng là những nhân-vật huyền-bí, việc anh-hùng là việc của thần-thánh. Ta hiểu người anh-hùng là người hành-động với lòng can đảm siêu-quần trong những trường-hợp khó-khăn, cực-khổ, đòi-nhiều-chí-khí. Cho-đặng tác-vi anh-hùng thành nhân-đức nó phải nhằm một lý-tưởng thiện. Dĩ-nhiên trong khi đeo-đuổi một lý-tưởng tốt-đẹp thì việc anh-hùng được thể-hiện coi là những tác-vi nhân-đức. Điều-kiện tất-yếu để nên anh-hùng là có một ý-chí gang-thép được điều-khiển bởi một lương-tâm sáng-suốt, thành-thiện.

8) *Trọn-lành*. Nói đến nhân-đức không mấy ai không nghĩ đến trọn-lành. Nên có những nhận-xét quan-trọng này về trọn-lành. Trước-hết phải hiểu trọn-lành theo nghĩa tu-đức. Nghĩa là tinh-trạng đã chiếm-đoạt được lý-tưởng luân-lý mà lý-trí, và ý-chí hiểu-biết, yêu-mến. Cho-đặng trọn-lành là một tác-vi nhân-đức nó phải được hiểu là nỗ-lực tiến-triển của người tu-thân. Dĩ-nhiên tiếng trọn-lành được hiểu với một nghĩa tương-đối. Nếu hiểu theo nghĩa tuyệt-đối thì trừ ra Thượng-đế không ai trọn-lành.

9) *Thánh*. Thánh là tánh-cách của người nhờ đặc-sủng của Thượng-đế đi đến một cao-độ của sự-trọn-lành. Thánh-nhân vì đó là kẻ thân-mật-hợp-nhứt với Thượng-đế, để tránh-những tội-lỗi hơn-phạm-nhân và huy-động các tâm-tinh, tư-tưởng, tác-vi về Thượng-Đế.

10.— Cần-thiết của nhân-đức.

Nhân-đức cần-thiết cho con người vì chính nó làm cho tâm-hồn-lành-mạnh, hoạt-động. Người ta thường lo trả-lời những đòi-hỏi vật-chất hay tinh-thần như cái ăn, cái mặc, những kiến-thức mà quên-bỏ bổ-lương-tâm, một tài-năng cột-trụ của con người. Ở-hiện-thể, lương-tâm-thánh-đức làm cho con người có tư-cách. Ở đời-sau, nó tạo cho con người những phần-thưởng bất-diệt.

Muốn trở-thành người nhân-đức trước-hết, tiêu-cực phải tránh các tật-xấu, tích-cực phải thể-hiện luôn những việc-thiện. Người nhân-đức gương-mẫu là người mỗi ngày trung-tín thì hành-những bốn-phận, dù là những việc nhỏ-nhặt. Các siêu-nhân nêu gương-thánh như Sénèque, Socrate, François d'Assise, Thérèse đều là những người trọng bốn-phận. Nhứt là các vị-kỹ-lương-kiểm-tâm-mỗi-ngày. Con đường của các vị là đường lý-tưởng để nên người nhân-đức.

11 — DANH NGÔN

1) Nhân đức đứng mực trung.

St. Thomas.

2) Vật dĩ ác tiểu nhi vi chi, vật dĩ thiện tiểu nhi bất vi : đừng cho ác nhỏ mà làm, thiện nhỏ mà không làm.

Chiêu-Liệt

3) Cầu thả các bồn phận nhỏ dọn đường cho các lỗi nặng.

Bà Necker

4) Ai gieo trong than khóc sẽ gặp trong vui mừng.

Ps. 125 — 5

5) Mọi tâm hồn nào bay lên đều đem theo thế giới.

E. Leseur

12 — TỰ ÁM THỊ :

Càng luyện đức, tôi càng thấy nhân cách tôi được phát triển, do đó tôi được người xung quanh quý phục hơn.

CHƯƠNG III

ĐỨC KHÔN NGOAN

« Khôn ngoan gồm nhiều độ lượng và chịu khổ. »

L. Veuillot

I. — ĐẠI YẾU

- 1) Chuyện cú mèo và chim gáy
- 2) Định nghĩa đức khôn ngoan
- 3) Bản chất đức khôn ngoan
- 4) Tật xấu nghịch đức khôn ngoan
- 5) Cần thiết đức khôn ngoan
- 6) Phương thế luyện đức khôn ngoan

1. — Chuyện cú mèo và chim gáy.

Chim gáy hỏi cú mèo : « Ông bay đâu đó ? » Cú mèo đáp : « Tôi sẽ bay sang hướng đông ». — Sao vậy ?

— Ở đây không được. Người ta ghét tiếng tôi kêu quá.

— Ở tiếng của ông áo-não, gây sầu oán, tai họa. Làm sao đổi tiếng đi. Chớ sang đông mà kêu giọng trừu ảo thì người đông cũng ghét nữa. Thiên hạ đâu đâu cũng một bụng. Câu chuyện này trong Thuyết huyền có vẻ biếm ngôn, nhưng chứa một bài học thâm, thúy về đức khôn ngoan.

Ở đời lắm kẻ như cú mèo mang lòng ác mà bịp đời bằng mọi mưu cơ, lường gạt. Cái khôn đó là khôn đại. Người khôn đúng nghĩa khôn, là người thiện và xử với ai cũng thành thực.

2. — Định nghĩa đức khôn ngoan.

Khôn ngoan là nhân đức giúp ta lựa chọn những phương thế hiệu nghiệm nhất để chiếm đoạt cứu cánh mà ta

nhắm. Nếu đối tượng của nó là một cứu cánh phẩm tục thì nó là nhân đức tự nhiên. Là nhân đức siêu nhiên thì nó nhờ ân sủng nhắm đối tượng siêu nhiên, theo cứu cánh tối hậu của con người.

Đức khôn ngoan là con đẻ của trí tuệ vì chính trí tuệ tùy hoàn cảnh đặc biệt, lựa chọn những phương thế thích nghi để ý cũng được thực hiện. Văn biết có sự can thiệp của ý chí để có sự ham muốn khi lựa chọn để hằng hái thực hành. Nhưng chính trí tuệ đóng vai trò quan trọng nhất khi lựa chọn phương thế thích hợp cho từng người, sự việc, biến cố, hoàn cảnh. Phải tế nhị phân biệt bản sắc của đức khôn ngoan. Khi ta cố ý thể hiện một ý định có tính cách hoàn toàn nhơn loại như một văn sĩ cầu lợi, cầu danh thì sự khôn ngoan có tính chất tầm thường. Nó vô tư. Trái lại khi dùng nó vào mưu cầu, những việc ác, trả lời đòi hỏi của tính dục xác, thì nó biến thành tai hại. Có thứ khôn ngoan căn cứ vào tìm kiếm hạnh phúc bất diệt đời sau. Nó bắt con người hướng về Thượng đế tìm kiếm một mình Thượng Đế. Gọi nó là đức khôn ngoan siêu nhiên. Người ta hay chia đức khôn ngoan ra :

1) Đức khôn ngoan cá nhân : khi nó liên hệ các việc cá nhân.

2) Đức khôn ngoan xã hội hay công dân : khi nó nhắm tha nhân, cộng đồng, công ích.

3) Đức khôn ngoan gia đình : là thứ khôn ngoan xã hội nhưng nhắm đặc biệt đời sống cha mẹ, con cái trong gia thất.

3. — Bản chất đức khôn ngoan.

Có ba điều kiện tất yếu để nên người khôn ngoan : suy tính già dặn, quyết định sáng suốt, và dẻo dai thực-hành.

a) Suy tính già dặn. Người khôn ngoan trước khi bắt tay làm việc gì, nhìn lại dĩ vãng để đọc lấy những kinh-nghiệm. Kho kinh-nghiệm chứa trong đời tư những vĩ-nhân : học-hay và chữa dở nhờ đó. Cũng nhìn lại kinh-nghiệm đời tư. Coi đâu là những nguyên nhân thất bại và bí quyết thành-công trong thời qua ở chỗ nào.

Ngó lại dĩ vãng để nhìn kỹ hiện tại, để phòng các âm-mưu, đối phó những trở lực. Hãy rút những bài học của thời qua làm bùa hộ thân cho việc hiện thời. Dĩ nhiên khi tổ-chức hiện tại cần ngó tương-lai. Phải thấy trước những hậu quả của các việc mình làm. Muốn chiếm một lý tưởng nào đó, phải dự trù kế-hoạch căn cứ vào thực-tế, chuẩn bị đầy đủ phương thế. Thành công không được phó cho may rủi mà phải được sắp đặt trước chu đáo.

Muốn suy tính kỹ lưỡng cần thình lặng và thời-gian. Hai yếu-tố này giúp ta trở về với nội tâm, sáng suốt nhận điều hư thực, thiện ác. Đừng có óc tự mãn. Ở đời nhân vô thập toàn. Và lại có lúc việc người-ta sáng mà việc mình ta quáng. Đi bàn hỏi người thực tài, thực đức vì đó là việc cần thiết. Không phải ta nô-lệ họ. Ta chỉ xin ý kiến khôn ngoan của họ. Còn sự quyết định tối hậu thuộc về ta. Trong khi bàn hỏi vừa giữ độc lập tinh-thần vừa có thái độ khiêm nhu căn cứ trên tinh thần học bay chữa dở.

b) Quyết định sáng suốt. Vấn đề khôn ngoan là hành-động đặc-lực. Cho dạng vậy phải quyết-định sắt thép. Mà làm sao ? Sau khi cân đo kỹ cái thuận, cái nghịch, lựa

chọn điều hay rồi thì phải cương quyết bảo tồn ý định. Tránh tuyệt sự do dự, sự hối tiếc vô lý và vô ích. Ca dao ta có câu :

*Lòng ta ta đã chắc rồi,
Dầu ai gục đứng, gục ngồi không nao.*

Hãy lấy câu này làm kim chỉ nam. Thù địch của quyết định là ngại khó, sợ dư luận, lười biếng, ngã lòng. Coi các thứ này như chứng bệnh dịch của đức khôn ngoan.

c) *Hành động dẻo dai.* Quan hệ nhưit là thể hiện những điều đã suy tính, quyết định. Mới nuôi những mộng đẹp, mới soạn chương trình thì ai cũng hăng hái. Coi chừng trên đường dài có nhiều trở lực vật-chất hay tinh-thần. Muốn đắc-lực phải :

Tiên kiến năng lực chịu đựng của mình, cách phương thể thành công, các trở lực phải san bằng, lý tưởng nhưit định chiếm đoạt.

Canh phòng những bất ngờ có thể xảy ra. Luôn sẵn đề chụp các cơ hội tốt. Tỉnh thức đề đối phó những gì bất lợi cho mục phiêu. Hay nhưit là luôn dự bị sức lực, tài-liệu, tài chánh, phương thể đề yểm trợ công việc đến thành công sau cùng. Đừng quên những suy tính ở bàn giấy nhiều khi rất khác với thực tế. Đó là chưa nói quyết định, lúc hăng hái có thể mất cường độ khi gặp những chướng ngại vật. Còn ác tâm của người đời, sự thay đổi hoàn cảnh nữa. Vậy cần dự bị, đề phòng, kỹ lưỡng.

4. — Tật xấu nghịch đức khôn ngoan.

Người ta lỗi đức khôn ngoan thường bằng hai cách thái quá và khiếm khuyết.

a) *Thất quá* : Tìm đủ thứ mưu cơ; tỏ ra có lương tâm gian xảo. Đầu óc hướng hạ, lo các thành công phàm tục. Bôn chôn lo hiện tại, lo tương lai

thuần vật chất mà quên cứu cánh tối hậu của con người.

b) *Khiếm khuyết* : hành động « dục tốc » nên « bất đạt ». Không suy tính mà nói năng, tác động theo tình dục, theo tư ý (caprice). Chẳng dự bị phương tiện. Không sắp chương trình, định kế hoạch. Mù quáng đề lòng ham muốn nồng nổi lôi kéo.

Tất cả đều là quân thù của đức khôn ngoan.

5. — Cần thiết đức khôn ngoan.

Con người không phải một sức mạnh cuồng loạn vô tri như con tàu chạy không hoa tiêu, không tay lái. Hành

động con người cần đức khôn ngoan điều khiển. Đức cột trụ này bổ ích cho cá nhân cũng như cho sự điều khiển tha nhân.

1) *Cá nhân cần đức khôn ngoan để chiếm đoạt lý tưởng làm người.* Nhờ nó ta khỏi những thất bại, con đề của ngu dốt, dục tốc, cầu thả. Dĩ nhiên nhờ khôn ngoan, con người xa lánh các khuyết điểm, và tội lỗi. Nó soi rọi vẻ đẹp của nhân đức, làm lòng người ham mộ hành thiện.

2) *Làm lớn cần đức khôn ngoan như cá cần nước.* Khi đóng vai trò lãnh đạo phải chịu trách nhiệm cho nhiều người về các phương diện vật chất, tinh thần, thiêng liêng. Mà nói trách nhiệm là nói lo liệu, tiên kiến, đề phòng, thích nghi, quyết định thực tiễn, chịu khó v. v... Tất cả đều do đức khôn ngoan cầm lái.

Thiếu nó : người ta té vào tình trạng mù đàn mù, người ta sẽ đi lạc con đường phận sự, chạm lòng hạ cấp, gây oán thù, làm thương tổn quyền lợi chung, gây nhiều thất bại buồn cười.

6. — Phương thế luyện đức khôn ngoan.

Tiêu cực : 1) Để luyện các đức luận, những thành kiến có thể ảnh hưởng đến sự suy xét. Coi chừng các tình dục trong đó có ái tình hay làm cho lương tâm mờ nhạt. 2) Rồi khi quyết định tránh sự vụt chạc, nồng nức, tình cảm hão danh, ham lợi nhất thời. 3) Quyết định phải dứt khoát. Đừng do dự, bối rối, nghi nan. Phải nhớ lựa chọn nào cũng đòi hi sinh. Hối tiếc hay làm hỏng mọi việc. 4) Khôn ngoan không có nghĩa là vấp quật. Vì đó gồm như củi những mưu cơ do ác tâm nói lên sự ghen hă, bất lương. 5) Sau hết lánh sự thúc đẩy hướng hạ, những xu hướng tìm lạc thú phạm tục. Tất cả làm tâm hồn con người mù quáng con đường dẫn đến toàn phúc, là lý tưởng của nhân loại.

Tích cực : 1) Trầm lặng suy tưởng nhiều. 2) Giữ sự chừng mực. Cân đo lợi hại trước khi nói, làm. 3) Học các gương khôn ngoan của vĩ nhân, thánh nhân. 4) Cầu nguyện Thượng Đế. Theo thánh Ga-cô-bê bí quyết của đức khôn ngoan là : Thanh khiết, bình tâm, lễ độ. Lời khuyên này là minh triết nên áp dụng.

7 — DANH NGÔN

1) Đức khôn ngoan không ít cần thiết cho đời sống cá nhân cũng như đời sống xã hội.

Ad. Tanqueray

2) Tự trí giả bất minh, tự kiến giả bất chương : Tự mình khôn là không sáng, tự mình thấy là không rõ.

Lão-Tử

3) Nhiều người sẽ trở thành khôn hơn nếu họ không tự tưởng tượng mình đã khôn rồi.

Sénèque

4) Điều chúng ta biết là một giọt nước, điều chúng ta biết là đại dương.

Newton

5) Biết ngu là đại khôn, khôn vật là đại ngu.

Waterstone

8 — TỰ ÁM THỊ

Tôi là người trước khi nói năng, hành động luôn tỉnh lặng, suy tính, bàn hỏi, quyết định.

CHƯƠNG IV

ĐỨC LẠC QUAN

« Giá bạn phải tìm bạn cộng
tác thì bạn hãy chọn trong
những người vừa làm việc
vừa hát. »

Ghika

I — ĐẠI YẾU

- 1) Họ Nguru bán chết trâu.
- 2) Đức lạc quan là gì ?
- 3) Tật nghịch đức lạc quan.
- 4) Giá trị của óc lạc quan.
- 5) Luyện đức lạc quan.

1 — Họ Nguru bán
chết trâu.

Sách Tùy Kỳ chép một
chuyện lý thú. Nguru-Hoảng
ngày nọ đi vắng. Em là Nguru
Bật ở nhà. Ông này hay nhậu.

Trong cơn say, Nguru Bật bán chết con trâu của anh mình, Nguru Hoảng về tới cửa, vợ hốt hoảng chạy ra nói : Minh coi ! chú nó say rượu bán chết trâu mình rồi. Nguru-Hoảng vui vẻ tự nhiên bảo : « Má nó cho làm thịt trâu đi. » Ông vào đến nhà trong bà vợ bực tức chạy theo đay đẩy nói : « Trâu nhà chết đâu phải chuyện chơi mà cha nó coi thường. Tại chú nó nhậu nhẹt phá hại như vậy mà cha nó không nói gì ». Nguru-Hoảng bình tĩnh bảo : « Tôi biết lắm mà. » Nói xong lấy sách thần nhiên đọc.

Em ruột say rượu. Một điều đáng buồn. Trâu chết. Hai điều đáng buồn. Vợ bắt măn em và mình. Ba điều đáng buồn. Vậy mà Nguru-Hoảng thần nhiên. Không phải ông dần độn chẳng phải cái hại, chẳng lo sửa cái hại. Nhưng ông lạc quan. Chuyện đâu còn có đó. Nhiều việc trên đời xảy ra như tô nước đổ xuống đất. Nội tâm mình nào động cũng không cứu vãn lại được, còn khổ nữa Nguru-Hoảng thực là gương sáng cho vạn đại về lạc quan.

2 — Đức lạc quan
là gì ?

Lạc quan là nhưn đức luân
lý giúp ta giữ vững sức khoẻ
tinh thần khi gặp những trở
lực, không nòng nổi hành

động cũng không chán nản đầu hàng khổ cực mà vui vẻ
tiến đến thành công trong dè dặt.

a) Một nhưn đức. Trong xã hội có thứ người ăn ngày này không biết ngày mai. Họ không vận dụng óc suy nghĩ cho đủ để tiên kiến, phòng bị tương lai. Tánh họ nòng nổi, cười hề hề, không tế nhị nhận điều phải quấy. Về họ, Khổng-Tử nói : « Nhân vô viễn lự tất hữu cận tru : kẻ không lo xa, ắt có buồn gần ». Tánh của họ là tánh xấu. Nó tố cáo một tâm-hồn nòng cạn. Còn lạc quan hiền như nhưn đức là thấy xa hiểu rộng mà không đầu hàng trở-lực, khổ sầu. Họ chẳng đề ngoại vật chi phối tâm hồn. Vẫn đối phó với chương ngại vật, họ bình tĩnh đối phó với nụ cười. Họ sáng suốt và anh-dũng.

b) Trước những trở lực. Sức khoẻ tinh-thần rất dồi dào trong người lạc-quan. Họ không nòng-nổi chờ nước đến trôn mới nhảy mà lo đề phòng các tai họa về sau. Trên

con đường tiến đến thành công họ luôn vui vẻ, vui vẻ mà vẫn dè dặt. Họ biết lắm đường đời dài, chồng gai. Mà bi quan ngại khó thì không đáng mặt con người. Cũng không nên liều lĩnh vì vụt chặc là mẹ đẻ của thất bại. Họ hoạt động với khẩu hiệu « tin tin phòng phòng ».

3. — Tật nghịch đức lạc quan :

a) Người mang bệnh bi quan là người có tập quán dễ tâm hồn chìm lặn trong đêm dày buồn thảm. Họ thấy đời họ là một chuỗi rủi. Những cơ năng tinh thần của họ họ không tin có năng lực để giúp họ thành công. Họ tự cho mình vừa bất tài, vừa vô đức. Họ hay chiêm ngưỡng tương diện kẻ khác mà cho mình sinh vào một ngôi sao xấu, nên mặt mũi xấu xa, ai thấy cũng ghét. Ít khi họ có ý nghĩ bắt tay làm việc gì lớn. Khi phải thi hành một bổn phận nào, rủi thất bại họ ưu sầu, thất vọng.

b) Còn người nông nổi thì trái lại có đầu óc như ống bọng, không lo nghĩ xa. Gặp ai họ cũng xuề xòa cười, xề xòa nói. Có ý nghĩ gì hay, họ bắt tay làm. Đừng nói chuyện lý tưởng, chương trình, chuẩn bị phương thế với họ. Họ cũng là người mau thay đổi ý định. Đang làm công việc gì đó, có ai rủ làm việc khác họ bỏ việc cũ làm liền việc mới. Về sự đời, họ có óc phán đoán rất bừa bãi. Thấy cái gì trái mắt là họ chê. Nghe cái gì hợp là họ khen. Bàn tính công việc gì với họ, người ta được họ đồng ý mau lắm. Mà sớm mai họ đồng ý, chiều họ đổi ý rồi. Đến đâu gặp kẻ già mồm mép, tuyên truyền cho họ điều gì họ nhận là hay thì về nhà họ bắt tay làm ngay. Mà chỉ vài ngày thôi là họ bỏ. Họ là thứ người chuyên môn đá kích thượng cấp, khinh chê hạ cấp. Còn dư luận thì họ nò

lệ lắm. Họ sống theo đà thăng trầm của tiếng đời. Mang tâm hồn cạn xột như vậy, bạn dư biết, họ phải té ngã luôn trên đường đời. Sau cùng chỉ còn lại cho họ một dĩ vãng dẹt bằng thất bại và hối tiếc chua cay.

4 — Giá trị của óc lạc quan

Hai quái tật trên người lạc quan gồm như một chứng bệnh lây. Bạn hãy có một quan niệm chân chính về đức

lạc quan. Lạc quan không có nghĩa là có đầu óc trống rỗng vô tư sống qua ngày qua tháng.

Lạc quan không phải là hoang phí cuộc đời trong các cuộc giải trí mà bỏ bê những bổn phận làm người. Lạc quan không phải là gặp ai cũng cười hề hề, ai nói hơn nói thua không biết và tỏ ra con người nông nổi.

Lạc quan không phải tưởng trên đời ai cũng tốt nên coi ai cũng như tri âm để bàn tâm sự. Lạc quan đây là đưa con tinh thần của bộ óc lạnh mạnh. Người lạc quan biết đời là sung lệ nhưng không bi quan đầu hàng những thử thách của đời. Họ khi nhu khi cương chuyển bại thành thắng. Đời sống xã hội đối với họ như cạm hương : họ thấy gai để tránh mà cũng thấy hoa để ngắm. Đầu óc họ không chứa những tư tưởng hắc ám. Tâm hồn hướng thượng của họ điều khiển các hoạt động xã hội của họ nên họ không sợ những thất bại làm vì thiện chí. Họ chỉ nghĩ đến lý tưởng và nhắm thành công sau cùng.

Quan niệm đức lạc quan như vậy chắc bạn thấy ích lợi của nó rất rõ rệt.

Không có nó đừng mong làm việc gì có giá trị trong xã hội. Có việc nào khả quan mà khi thi hành khỏi cực khổ, trở ngại. Hơn người hay không là chỗ nhảy ngang những chướng ngại vật để chụp thành công.

Khi nói chuyện với ông Abraham về sự phá hoại thành Sodoma Thượng đế tỏ ra lạc quan. Người biết dân thành này quá tội lỗi, nhưng vẫn « trả giá » với Abraham. Thượng đế bảo nếu kiếm được 10 người công chính thì tha đốt thành. Mà cũng chẳng có đủ. Mười người thôi mà có thể cứu được cả thành đông như trấu và tràn đầy tội lỗi. Thật Thượng đế là gương sáng của lạc quan. Bọn phàm chúng ta hay làm ra bi đát chuyện con con, một kết án mười. Ngay mấy trang đầu của lịch sử nhơn loại, Thượng đế đã bảo con người kiếm ăn bằng mồ hôi trên trán. Mồ hôi là điều kiện. Kiếm ăn hằng bữa mà còn phải khổ như vậy huống hồ làm những việc bất hủ. Trong muôn ngàn trở lực từ vật chất đến tinh thần, muốn làm nên sự nghiệp làm sao? Há miệng chờ sung chắc chắn không rụng. Các vĩ công trên đời đều đòi bằng lạc quan kiên nhẫn.

Đức Giêsu biết quần chúng Do Thái cứng đầu cứng cổ lắm, nhưng Ngài thuyết giáo ôn tồn, dịu ngọt. Thuật giáo dục của Ngài chính thực nặng về tâm phục mà nhẹ về trừng phạt. Ngài cũng biết nhơn loại yếu đuối lắm, song không bi quan và lập tòa giải tội để con người có phương thể cạnh tân đời mình.

Thời nhà Chu hỗn độn thế nào, luân lý suy đốn làm sao? Khổng-Tử, Lão-Tử mỗi người một đường lối, kẻ nhắm đoàn thể, người nhắm cá nhân lo giúp đời cải thế.

Socrate, Platon không đầu hàng thời đại chỉ biết lo phát triển bên ngoài. Câu « Bạn hãy biết bạn » của Socrate khơi màu cho những nỗ lực đào luyện nội tâm mà về sau Platon tiếp tục cõ vớ.

Christophe Colomb thiếu điều bị quăng xuống biển mới đặt chơn lên Châu Mỹ.

Những vĩ nhân ấy là gương sáng vạn đại về đức lạc quan. Nó là bùa của kẻ thất bại mà không đầu hàng, thấy họa mà không nản chí. Trái lại nỗ lực chiến thắng cho đời lên hương : chuyện bại như vĩ công, nhân họa nhi vi phúc.

A — Phương thế tiêu cực :

5. Luyện đức lạc quan.

1) *Tiêu diệt ưu sầu.* Buồn thảm xâm chiếm tâm hồn làm ta bỏ tề liệt mọi hoạt động. Có thể

này ra những tư tưởng hắc ám về đường luận lý nữa.

2) *Đừng quá lo.* Phải phòng xa, song không bồn chồn lo lắng thời quá. Tin nơi ơn Quan Phòng Kinh Thánh cho biết mỗi sợi tóc trên đầu đều được đếm hết. Và chim chóc ngoài đồng không bao giờ bị chết đói. Ta quý hơn tóc và chim nhiều. Tận lực làm việc rồi tin thần lực, đời sẽ hạnh phúc.

3) *Không chấp nhứt quá.* Giữ tâm hồn độc lập với mọi ảnh hưởng của ngoại vật ; có không biết bao nhiêu bề trái. Nếu để cho tật xấu tha nhân giựt dây, đời ta sẽ phải luôn bất mãn. Tha lỗi người. Bằng lòng những khuyết điểm của kẻ xung quanh bao giờ cũng có lợi hơn chấp nhứt, cau có. Khó tánh chẳng những gây ác cảm mà còn làm ta cô độc.

4) *Không ở nhưng.* Ở không thường thường sinh tật xấu và luôn luôn bất chán. Sống mà chán thì các bồn phận căn bản làm người làm cho thể hiện chu toàn.

5) *Không ngã lòng.* Ngoan cố trong lỗi lại còn bậy hơn. Trong thời qua, ta có lỗi làm? Hãy đánh trên nó một dấu chéo. Hối tiếc rồi lo làm lại cuộc đời. Đừng để tâm hồn chìm lặn trong đau khổ. Tật đào sâu dĩ vãng làm cho nhọc chí, chán đời, tuyệt vọng...

B — Phương thế tích cực. 1) Lo cho có sức khoẻ đầy đủ. Ốm bệnh thường khó có tâm hồn lạc quan. Hình ảnh cái chết cứ ám ảnh hoài mong gì đến việc đời.

2) *Luyện ý chí.* Ý chí già giặn giúp ăn chịu đau khổ, dư luận, nghèo túng.

3) *Luyện trí tuệ.* Óc sáng suốt giúp ta sâu sắc tìm lý tưởng, đề phòng mưu cơ kẻ nghịch, chuẩn bị những phương thế thành công. Trí phán đoán lành mạnh làm cho ta không sợ nổi tin người mà cũng không bị quan tưởng đời toàn giả dối. Lương trí rất cần cho con người sống phải chăng.

4) *Vui vẻ.* Tạo có luôn trên môi nụ cười. Dù gặp cảnh tang chế, hãy giữ sắc diện bình thản. Nó nói lên một tâm hồn tự chủ, yêu đời.

5) *Tìm những kích thích lạc quan.* Sống chỗ thoáng khí. Ăn đồ dễ tiêu. Tránh rượu mạnh, cà phê đen, trà đậm. Giao du với những người vừa khôn ngoan vừa lạc quan. Đọc thường những gương danh nhân. Lâu lâu du lịch những miền núi cao, biển rộng để đời có những viễn cảnh.

6 — DANH NGÔN

1) Đừng phàn nàn về thời giờ của bạn. Nếu bạn nhận thấy nó xấu thì bạn hãy làm cách nào cho nó hay hơn.

Carlyle

2) Vui tánh là bầu khí tự nhiên của những nhơn đức anh hùng.

G. M. Kempler

3) Tôi ít ưa những cây lê liễu. Chúng nó không có trái mà chỉ che bóng mờ mà thôi.

G. M. Mermillod

4) Vui tánh không tốn gì hết mà mua được tất cả.

Hébrand

5) Nhân vô viễn lộ, tất hữu cận ưu : người không lo xa, ắt có buồn gần.

Không-Tử

7 — TỰ ÁM THỊ

Tôi lạc quan mà không nông nổi, vui vẻ mà không xuề xòa.

Lòng tôi là mùa hoa nở để đời tôi là một mùa thành công.

CHƯƠNG V

ĐỨC ANH DŨNG

« Can đảm là sự sợ bị chiến
thắng : khiếp nhược là sự sợ
cảm nhận. »

Legouvé

I — ĐẠI YẾU

- 1) Dandolo, 24 tuổi : con người đại dũng
- 2) Định nghĩa đức anh dũng
- 3) Cần thiết của đức anh dũng
- 4) Những hình thức anh dũng
- 5) Phương thế luyện đức anh dũng

1 — Dandolo, 24 tuổi con người đại dũng

Legouvé là một bài thơ rất điều luyện thuật lại gương anh dũng của Dandolo. Dandolo, một chàng trai tuần tũ của thành Venice, được gửi đến Byzance để ký một hiệp ước. Hoàng đế Byzance trao cho chàng một bản hiệp ước đã được soạn sẵn để chàng ký. Dandolo đọc kỹ, bỗng giận dữ, mặt tái ngắt. Chàng nói : Hiệp ước này bôi lọ tên tôi và quê hương tôi. Tôi không ký. Hoàng đế bắt mắ. Dandolo nhìn hiệp ước bằng cặp mắt khinh bỉ. Hoàng đế đem bảo vật dụ dỗ. Dandolo bấu môi. Đem lý hình. Chàng cười thản nhiên. Hoàng đế nổi cơn lôi đình nói : Tên khốn nạn. Nếu ngươi không ký, trẫm sẽ cho trời ngươi và cho dùng

sắt nung lửa đỏ đâm vào tròng mắt ngươi. Dandolo làm thính. Người ta đem sắt đỏ rực đến áp vào mí mắt chàng. Chàng làm thính. Máu chảy. Chàng làm thính. Thịt cháy lên khói khét tanh. Chàng làm thính. Khi bị hành hung xong, Dandolo đồng đặc hỏi : « Quê hương đã được giải cứu ». Và con người đại dũng ấy chỉ có 24 tuổi thôi. Biết hành động của chàng ai mà không thính lặng, trán nhả lại tổ lòng kính phục ý chí đại dũng của chàng.

2. — Định nghĩa đức đại dũng

Tiếng anh dũng đồng nghĩa tiếng Virtus của La văn hiểu theo nghĩa đặc biệt là cái gì làm cho đàn ông khác đàn bà

tức là tánh cách cường dũng. Anh dũng cũng đồng nghĩa tiếng Courage của Pháp văn. Tiếng này do chữ « cor » của La-văn. Cor là quả tim, cơ quan liên lạc mật thiết với đời sống tình cảm. Courage có nghĩa quả tim chịu đựng dẻo dai những trở ngại cực khổ.

Những giải thích này giúp ta có thể định nghĩa anh dũng là đức luân lý giúp tâm hồn mạnh mẽ, vượt thắng các trở ngại tình cảm tinh thần như sợ hãi, ngã lòng để chiếm đoạt một mục đích lương thiện. Căn cứ vào định nghĩa này ta có những nhận xét sau đây về đức can đảm.

- 1) *Việc của tâm hồn.* Người can đảm là người vận dụng tinh thần sáng suốt để thấy rõ mục đích cùng phương thế.
- 2) *Việc của tâm hồn mạnh mẽ.* người anh dũng năng lực của ý chí được khéo điều khiển.
- 3) *Thi hành những việc khó.* việc khó mà làm nên mới định nghĩa giá trị anh hùng.
- 4) *Vượt thắng trở lực tình cảm, tinh thần :* Người anh dũng

tự ý lao mình vào việc khó, chế ngự tật già ham hay tiết lộ bí mật, trấn áp tánh nhút nhát. Dĩ nhiên họ cũng gồm táo bạo, ngã lòng.

5) *Đeo đuổi mục đích lương thiện* : nếu mục đích bất lương thì dù nỗ lực tận dụng ý chí đến đâu cũng không gọi là anh dũng nhứt là không thể gọi là nhơn đức.

3.— Cần thiết của đức anh dũng :

Ích lợi của đức anh dũng rất hiển nhiên. Là người ai cũng có tình dục. Trong tình dục có những xu hướng xằng xỏ đẩy con người xa lý tưởng luân lý. Muốn chế ngự bản năng hư hèn, phải anh dũng tự hãm thương xuyên. Đó là chỉ mới nói góc cạnh tiêu cực của việc tu đức. Về mặt tích cực, con người khi tả hành thiện hay thích làm biếng, bần đờ như phế, ngại khó, than thở. Phải có lòng anh dũng can thiệp để nỗ lực liên tục hầu nên người thánh thiện.

Đức anh dũng cần thiết cho các quân thù trong bản thân, vẫn cần thiết cho các công việc bên ngoài. Ở đời lý tưởng của bất cứ ai là phải nên người bản lĩnh. Đê hèn là sống tầm thường, sống như con số không vô danh. Người bản lĩnh không căn cứ vào điều người ta có mà vào điều người ta sống. Yếu tố cấu thành giá trị của họ không phải nhan sắc, chức quyền, tiền của mà là ý chí được trui rèn già dặn, là lương tâm trung trực, là quả tim trong trắng, là lòng hi sinh quảng đại. Mà cho đặng đi đến lý tưởng ấy phải nhờ trước hết cái gì nếu không phải là anh dũng, các sự nghiệp bỏ ích cho đời tư, sinh lợi cho xã hội đều cần là bùa anh dũng. Đọc tiểu sử những anh hùng như César, A-lích-sơn đại đế, Nã phá Luân, Nguyễn-Huệ, tiểu sử các thánh nhơn hay các bậc chọn tu như François d'Assise,

Thérèse de l'enfant Jésus, cha Foucault, người ta thấy đức anh dũng cần thiết cho các vị thành công thế nào. Trong cuộc sống thường nhật và muôn mặt, nhờ nó con người chịu đựng những bề trái của xã hội, vượt thắng các đau phiền vì bị hiểu lầm, bị đàn áp vì các cuộc tử biệt, chia ly. Anh dũng ở giữa khiếp nhược và táo bạo. Người khiếp nhược là người không đáng mặt sống, ích kỷ, hại nhơn. Người táo bạo khó thành công lâu bền vì hay vấp vào những cái lỗ, những sai lầm do tánh non nớt. Trái với hạng người này, người anh dũng dám xông pha với trở ngại, cảm thấy sợ nhưng chiến thắng sự sợ, can đo sức mình và sức địch, tiến dè dặt, đề phòng mà vẫn tiến. Thành công sau cùng bền bỉ là phần thưởng riêng của họ.

Đức anh dũng khi được thực hiện mang nhiều hình thức khác nhau.

4.— Những hình thức anh - dũng :

1) *Kiên nhẫn*. Là đức giúp con người chịu đựng các đau khổ phần xác hay phần hồn vì Thượng đế hay vì mục đích lương thiện nào đó. Anh dũng dưới hình thức kiên nhẫn là bùa vạn năng của thành công. Vua Câu Tiễn kiên nhẫn nằm gai nếm mật mà khôi phục sơn hà. Các thánh tử đạo kiên nhẫn mà danh lưu thanh sử. Hầu hết những vĩ công của các vĩ nhân trong mọi lãnh vực khoa học, xã hội đều là con đẻ của kiên nhẫn. Hãy đọc tiểu sử của Pasteur, Newton, Einstein, St. Vincent de Paul, Lyautey, Abraham Lincoln thì biết sự linh thiêng của « Ngón thần » kiên nhẫn.

2) *Bền bỉ*. Cũng do bản chất kiên nhẫn, bền bỉ là đức nhờ đó con người dẻo dai chiến đấu đến giờ chót để thắng các trở lực hầu thu được thành công tối hậu. Mới bắt tay

thi hành công việc gì thường ai cũng hăng hái, lạc quan, gặp dễ dàng. Song trên con đường dài, người ta hay gặp nhiều hoàn cảnh rắc rối, những ác tâm của kẻ trên, người dưới và bè bạn. Đó là chưa nói những giặc của lòng mình như lười biếng, suy nhược, bi quan, ngã lòng. Tất cả những thứ ấy ồ ạt tấn công tâm hồn nhứt là những tâm hồn cô đơn. Ai không chân chính anh dũng đến đến bền bỉ khó khỏi đầu hàng thất bại.

3) *Quảng đại*. Là một hình thức của đức anh dũng giúp ta có tâm hồn rộng rãi, muốn làm những việc lớn, chịu những thiệt thòi do các việc ấy với mục đích phục vụ Thượng đế và nhân loại. Vài những đặc tính của đức này mà ta phải nhận thấy rõ rệt.

a) *Có tâm hồn rộng rãi*. Người quảng đại nuôi chí lớn. Họ không chịu đời sống ù lì, tầm thường có vẻ ích kỷ của người nhược chí. Đầu óc họ đầy những ý thức thức dậy họ hiến thân, chịu khó để nên người đáng phục.

b) *Việc lớn*. Hiểu việc lớn là việc đòi nhiều nỗ lực, tài chánh, thời gian, tài đức. Đây không phải là ảo tưởng, con đẻ của tâm hồn siêu thực tế, không lượng sức mình mà cứ say mê lý thuyết và lý thuyết. Đây là việc nói lên tâm hồn xán lạn, dám chết sống vì tha nhân. Đòi họ thờ không phải cái tôi mà đại nghĩa.

c) *Chịu những thiệt thòi*. Người anh dũng nuôi chí lớn thấy trước công việc mình sắp làm khiến mình lao đầu vào những hy-sinh có khi rất gay gắt. Hy sinh đây hiểu là chịu hao tổn sức khoẻ, tiền của, tánh mạng nữa. Còn lời ăn tiếng nói của người đời, sự ngạo nghễ thù hại của kẻ nghịch. Trong khi ai nấy sống đời êm ấm hạnh phúc trong gia đình, thì người hy sinh vì chí cả phải坎坎 màn trời chiếu đất cùng muôn ngàn đau khổ tâm thần.

d) *Mục đích phục vụ Thượng đế và Nhân loại*. Người quảng đại hoạt động không phải vì tánh kiêu căng vì óc tham vọng chức quyền, danh tiếng. Theo sách « Gương Giêsu » tất cả đều là phù vân, sẽ qua đi hết chỉ còn lại cái gì phụng sự Thượng đế. Chân lý này lúc lành mạnh, trẻ trung, người ta khó ý thức. Người ta cảm nhận tất cả sự thấm thía của nó khi chân chồn gối lỏng, nhứt là khi hơi hóp trên tử sàng. Thú vui sâu sắc của người quảng tâm là dù gặp những chua chát thể nào trên đường lý tưởng vẫn bất biến, khi được gia tăng vì họ tranh đấu không phải cho họ, cho hư vinh mà cho những giá trị vĩnh cửu.

Sau hết ta nên biết qua vài tật xấu nghịch cùng đức anh dũng. Người anh dũng rất kỵ các tật nhất đấm, do dự, già hàm, lão xược, bi quan, hốp tốp ngã lòng.

5— Phương thế luyện đức anh-dũng

1) *Hãy tận dụng nhân lực và dùng quyền thần lực*. Sức con người khả quan lắm nhưng có sức trời thì việc gì con người

cũng có thể làm được : « Omnia possum in eo qui me con fortat. »

2) *Nhận-chân sự-vật cách khách quan*. Nhiều khi ta nhất không dám xông pha vào các việc lớn tại trí tưởng tượng mang màu sắc bi quan vẽ cho ta toàn những góc cạnh nguy hại, bất lợi. Phán đoán khách quan trước khi hành động.

3) *Không có cách nào luyện đức anh dũng bằng anh dũng*. Tức là hãy hành động như mình đã là anh dũng. Lối tự kỷ ám thị này giúp ta tự tin và sau cùng anh dũng thật.

4) *Nuôi những quyết định sắt thép*. Người anh dũng là người

chí khí. Phan bội Châu : « Đứng cho gan trụ cho bền ». Đó là kinh nhứt tụng của tâm hồn bản lĩnh. Trước khi quyết định phải suy nghĩ chín muồi. Một khi quyết định xong thì chết sống cũng theo đuổi điều đã định thực hiện.

6 — DANH NGÔN

1) Trung thần bất sự nhị quân, liệt nữ bất giá nhị gia : Tôi trung không thờ hai chúa, gái đứng không lấy hai chồng.

Vương-Súc

2) Người ta dám làm đủ lỗi lầm khi người ta không còn sợ trời.

R. Bazin

3) Mọi nhân lực đều là anh dũng, vì lẽ đó tiếng khiếp nhược là sự nhục nhã to lớn nhất.

Alain

4) Anh dũng nhứt là vì lý tưởng chịu đựng các dư luận, đau khổ nghèo túng trên đường dài tiến đến thành công.

Waterstone

5) Người ta can đảm hay nhất đảm, sợ liều lĩnh như nhau : vậy tại sao không can đảm,

Garçot

7 — SỰ ÁM THỊ

Tôi nhứt định không để mình làm con số vô danh trong xã hội mà trở thành người bản lĩnh.

CHƯƠNG VI

ĐỨC TỰ CHỦ

« Thắng hơn giả hữu lực,
tự thắng giả cường »

Lão-Tử

I — ĐẠI YẾU

- 1) Bước qua 7 lò lửa
- 2) Đức tự chủ là gì ?
- 3) Sức mạnh tinh dục
- 4) Cần thiết đức tự chủ
- 5) Phương thể luyện đức tự chủ.

1. — Bước qua 7 lò lửa.

Tô Đông - Pha là bạn của Phật-Ấn, có bảy người thiếp. Ngày nọ Phật-Ấn nói chơi với Tô Đông-pha : « Bác có nhiều

thiếp xin nhường cho tôi cô thứ bảy đi. » Tô Đông Pha cười đồng-ý. Về nhà, Tô Đông Pha báo tin ấy cho người thiếp và tối đến, ông cho xe đưa cô sang nhà Phật-Ấn. Phật-Ấn tiếp cô cho vào buồng. Ông bước ra đặt bảy cái lò trước buồng rồi suốt đêm hết bước qua cái này đến bước qua cái khác. Đến tảng bửng, ông cho đưa cô thiếp trả lại Tô Đông Pha. Ông này nghe cô thuật lại đầu đuôi công việc hiểu ý Phật-Ấn cảnh cáo mình là hiểu sắc, còn ông thì đi trên sắc dục như bước trên bảy lò lửa đỏ.

Đọc câu chuyện này ta cảm phục lòng tự chủ của Phật-Ấn. Ông gặp cơ hội hành ác mà trấn áp bản năng tình dục. Quả thực ông là người chí khí, biết điều khiển các thị dục của mình vào bậc thầy.

2.— Đức tự chủ là gì?

Trí tuệ giúp con người thấy thiện ác. Nhờ tình cảm ta có trớn háng hái ham mê hay chê ghét. Nhưng hai phương thế này không đủ để ta chặn đứng những dục vọng dè hèn, hướng về chân thiện, mỹ, phúc và bắt ta hành động.

Những nhận xét trên soi rọi cho ta thấy bản chất của đức tự chủ là dùng sức mạnh của ý chí kềm hãm con người hạ của ta, tức là trấn áp các tình dục xấu để các tình dục tốt phát triển dễ dàng.

Trong đời sống luân lý, đức tự chủ là chìa khóa cần thiết để nên người thiện mỹ. Trong *Rèn Nhân Cách* trang 161 chúng tôi viết: « Cơ cấu tâm lý của con người gồm hai yếu tố chính, như chúng ta đã biết, là tâm linh hoạt động thượng đẳng và tâm linh hoạt động hạ đẳng. Tâm linh hoạt động thượng đẳng là trí tuệ và ý chí tự do. Tâm linh hoạt hạ đẳng là tính chất gồm những bản chất căn bản như: cảm tình, dục tính, tính hợp đoàn, các khuynh hướng, tính hoạt động v.v... Muốn rèn luyện cá tính ngay một thuần thực để có một nhân cách đáng phục, phải chú trọng sự xây đắp địa vị chính phục của tâm linh hoạt động thượng đẳng trên tâm linh hoạt hạ đẳng. Con người mà ai nấy đều kính trọng, đều có thể vâng lời, là con người không những tự chủ khi tâm linh hoạt hạ đẳng hoành hành mà còn tự khiển, còn dùng tâm trí điều khiển cả guồng máy tâm linh của mình một cách sáng suốt, anh hùng. Người tự khiển coi nhân cách là một lý tưởng, nên cố gắng dùng ý chí chiến thắng sự hung dữ của thú tính để nhân tính được phát triển chu đáo. Họ cảm thấy giá trị mình căn cứ ở chỗ mỗi ngày họ hơn Người, nghĩa là hướng dẫn nếp sống, lời nói, cử chỉ, thái độ hành vi của

minh trên con đường nhân vị ăn khờ theo lý tưởng Người mà tự nhiên đã nêu cho họ.

3— Sức mạnh của tình-dục.

Đối tượng tấn công của đức tự chủ theo những điều giải thích trên, là các tình dục xấu. Ta hãy xét qua về tình

dục trước khi bàn những ích lợi của đức tự chủ trong đời sống luân lý.

a) *Bản chất của tình dục.* Hãy nghe Tanquerey định nghĩa tình dục: « là những cử động mạnh bạo của cảm giác hướng về tài sản khả giác vượt sự vang dội mạnh nhiều hay ít trên cơ thể ». Định nghĩa này rất đầy đủ ta biết rõ bản chất của tình dục.

1) *Cử động mạnh bạo*: Vì tình dục khác những tình cảm thường ở chỗ có màu sắc nào động, mãnh liệt, ráo riết.

2) *Của cảm giác.* Của cảm giác hay *giác dục* hiểu là tình dục được biết một phần nào về đối tượng của nó nên khi hướng về đó nó trở thành thị dục và có thể mạnh mẽ hay yếu ớt tùy sự hấp dẫn của đối tượng là tài sản khả cảm. Nên nhớ tình dục trong hình thức thị dục khác tâm tính. Trong khi tình dục cuồng bạo, đắm mê, có khi mù quáng thì tâm tính chịu ảnh hưởng của ý chí và trí tuệ có màu sắc tế nhị, bình tĩnh sâu sắc. Hãy so sánh một ái tình tình dục với một ái tình *un amour passion avec un amour sentiment* thì rõ.

3) *Sự vang dội trên cơ thể.* Hồn và xác hoạt động thống nhất nên khi tình dục nổi dậy ảnh hưởng ngay trên cơ thể. Giận run, đỏ mặt hay tái mặt là trường hợp tình dục vang dội trên cơ thể.

b) *Có mấy thứ tình dục?* Ở Việt-Nam chịu ảnh hưởng triết lý Trung hoa, người ta thường nói con người có thất tình gồm: hỉ, nộ, ái, ố, ai, cụ, dục.

Đúng sự thật thì con người có 11 tình : tất cả đều ra bởi tình ái. Tanquerey trong cuốn *Précis de Théologie ascétique* trung dẫn lời này của Bossuet ; Các tình dục khác của ta đều chỉ do ái tình, nó chất chứa hay kích thích tất cả. Tư tưởng này rất đúng. Ta hãy dựa theo lối phân chia cổ điển của triết học kinh viện về tình dục để giải thích từng thứ như dưới đây ;

A.— Sáu tình dục thuộc tham dục (*appetit concupiscible*).

1) *Ái tình : amour*. Tình muốn chiếm hữu người hay vật được thích.

2) *Ố tình : haine*. Tình chê tránh tất cả những gì nghịch người hay vật ta yêu.

3) *Ước tình : désir*. Tình kiếm đối tượng được yêu mà vắng mặt.

4) *Thoát tình : aversion*. Tình tránh cái gì xảy đến.

5) *Hoan tình : joie*. Tình thích thú khi hưởng một đối tượng yêu có mặt.

6) *Sầu tình : tristesse*. Tình có khi đối tượng yêu mất.

B.— Năm tình dục thuộc nộ tình (*appetit irascible*).

7) *Đảm tình : audace*. Tình cố gắng chiếm đoạt đối tượng yêu.

8) *Cự tình : crainte*. Tình xa lánh các ác cảm thấy khó tránh được.

9) *Vọng tình : espérance*. Tình muốn chiếm đối tượng yêu có thể chiếm.

10) *Thất vọng tình : désespoir*. Tình có khi đối tượng yêu vô phương chiếm được.

11) *Nộ tình : colère*. Tình chống kẻ gây ác.

C.— Quả tim và cảm giác tính. Nếu xét một tác vi nhân

linh *actehumaine* người ta phải nghĩ đến trí tuệ, ý chí và cảm giác tính. Trí tuệ là cơ quan đề biết, ý chí là cơ quan đề quyết định, còn cảm giác tính là cơ quan cảm nhận trạng thái tính cảm. Thường người ta gán vai trò sử dụng cơ quan này cho quả tim. Tính cảm khi cuồng bạo, đam mê, biến thành tình dục.

Sau khi tìm hiểu về tình dục và cảm giác tính, ta thấy khi một hành vi nhân linh được thực hiện có sự hợp tác của vừa trí tuệ, ý chí vừa tính cảm. Mà bởi bản tính con người không hoàn toàn thiện, nên tính cảm, tình dục có thể xấu và theo kinh nghiệm tình dục hay ngã về đường ác. Vì đó cần huấn luyện cảm giác tính để có những tính cảm cao thượng, những dục tính tốt.

4. — Cần thiết của đức tự - chủ.

Nếu không kiềm hãm tính dục, nó sẽ gây những ác quả

này. 1) *Trí tuệ bị cưỡng hiếp* :

Tình dục cuồng bạo quá người ta không sáng suốt nhận được thiện ác, thực hư. Chuẩn lý bị tình dục như mây mù, che khuất. Hành động, lời nói, cử chỉ của người nô lệ tình dục do đó đi ngoài hay nghịch lý tưởng luân lý.

2) *Ý chí bị suy nhược* : Sau nhiều lần thất trận trong cuộc giành đối tượng, ý chí bị tình dục xấu làm suy nhược. Nó mất ánh sáng của trí tuệ, giảm nghị lực, sau cùng nhượng bộ tình dục trong các quyết định.

3) *Con người tức động*. Nhiều phen khum đầu dưới nanh vuốt tình dục, con người khi hoạt động mất trầm tĩnh. Người ta không ý thức việc mình làm. Hễ thấy hay, thấy lợi thì vụt làm mà không để ý trong cái hay, cái lợi coi chừng có thể có cái dở cái hại. Người ta tức động

nghĩa là vút chạc hành động trên bắp gân, chứ không theo ý chí suy nghĩ.

4) *Lương tâm hướng hạ*. Khi người ta sống qua độ bằng tình dục, lương tâm mất đà hướng thượng. Các ý nghĩ cao cả nhường chỗ cho những mơ ước vật chất, phù vân. Cửa ăn tinh thần ngày càng nghèo nàn. Sau cùng người ta đi đến chỗ nhảm chán và tuyệt vọng về số phận làm người. Xét bốn ác quả ấy, ta thấy đức tự chủ cần cho tâm hồn như cá cần nước. Vấn đề phải đặt là hướng dẫn tính dục cho nó về nẻo chân, thiện, mỹ, phúc chứ không phải diệt dục. Bao lâu ta còn là người ta còn tính dục. Tính dục từ bản chất không xấu. Nó nằm tận đáy bản tính con người. Dù muốn dù không, hễ còn sống là còn sử dụng nó. Ngay khi ta muốn diệt dục là ta đã dụng một tính dục : ước dục rồi. Ta phải khai thác phương diện tốt đẹp của tính dục bằng cách dùng đức tự chủ. Đức này giúp ta kiềm hãm nó, cho nó được trí tuệ soi sáng và ý chí điều khiển. Con người ở mọi nơi, mọi thời đều có phần hạ. Phần này mạnh như ngựa chứng. Nó theo sát con người suốt đường đời. Non tay ấn thì con người bị nó thúc đẩy làm xằng. Muốn hành thiện phải dùng đức tự chủ, cầm cương nó.

5. — Phương thế luyện đức tự-chủ.

1) *Luyện ý chí*. Muốn tự chủ mạnh phải có ý chí gang thép. Ý chí trở thành cường dũng nhờ nêu cho nó những đối

tượng thiện mỹ. Công việc này của trí tuệ. Có thấy cái hay rồi mới muốn : vô tri bất mộ. Nhưng không phải muốn cái thiện một vài lần mà ý chí của tập quán hướng thiện. Phải gia tăng thực tập muốn cho ý chí xin đọc thêm cuốn *Người Chí Khí* cùng tác giả.

Đừng hành động khi tình dục cuồng bạo. Lúc sóng gió tình dục nổi lên, hãy tỉnh lặng. Đừng nói, làm gì hết cho đến khi tâm hồn lấy lại bình tĩnh.

3) *Tạo những tâm tình cao thượng*. Tâm hồn ta lúc nào cũng cần những món ăn riêng, nó là ý tưởng, tâm tình. Nếu không là những ý tưởng cao cả, tâm tình thanh nhã thì các dục tình xấu sẽ ủa vào. Vậy ta nên phát triển những tình tốt đẹp như lòng yêu Thượng đế ; yêu đồng loại, yêu gia đình, yêu khoa học, nghệ thuật, văn học v.v... Ky nhưt là để tâm hồn phiêu lưu trong tình cảm vu vơ, bất định hay những tư tưởng tâm tình hắc ám, tất cả là thuốc độc của lý tưởng là người.

...

6 — DANH NGÔN

1) Tôi làm chủ tôi như tôi làm chủ vũ trụ.

Corneille.

2) Chỉ có người anh đứng trên mình mới anh đứng trên kẻ khác.

Tissier.

3) Chỉ tin tưởng mình, chỉ nghe lời mình, đó là nguồn sai lầm, khổ nạn phong phú nhất.

Chocarne

4) Đi không trên đường trơn chẳng bám chơn thì té : Trên con đường tình cảm và tình dục, không tự chủ thì tâm hồn đời trụ.

Feurzinger

5) Dục đa thương thân, tài đa lụy thân : muốn nhiều hại tinh thần, của nhiều hại thân.

Lão-Tử

7 — TỰ ÁM THỊ

Tôi cương quyết cầm cương mọi tình dục nhưt là tình ái và ba tác luyến của tôi.

CHƯƠNG VII

ĐỨC ĐIỀM TÍNH

« Quân tử chi hạnh : tính dĩ tu thân... Phi đàm bạc vô dĩ minh chí ; phi ninh tính vô dĩ trí diễn ; nét của quân tử ; Yên ổn để sửa mình... Không đàm bạc không sáng chí : không ở yên trí lấy gì cao. »

Chư Cát Vô Hưu

I — ĐẠI YẾU

- 1) Nhỏ từng lông đuôi ngựa
- 2) Đức điềm tính là gì ?
- 3) Tật nghịch đức điềm tính
- 4) Nguyên nhân khiến mất điềm tính
- 5) Giá trị đức điềm tính
- 6) Phương thế luyện đức điềm tính

1 — Nhỏ từng lông đuôi ngựa.

Sertorius, danh tướng La mã, muốn dạy binh sĩ quá hiếu chiến của mình, đã ra lệnh đem đến hai con ngựa, một ông lão và một nam thanh. Ông bảo nam thanh có thân hình lực sĩ rút một lần cho sạch lông đuôi con ngựa ốm như ve. Rồi ông khiến ông lão nhỏ từng sợi lông đuôi của con ngựa béo như heo nuôi thục. Nam thanh hí hục trỉ tuốt một lần lông đuôi ngựa ốm mà không được trong khi ông lão lần lần nhỏ sạch lông đuôi ngựa mập. Binh sĩ của Sertorius ngạc nhiên, không biết ông muốn dạy gì. Sertorius nghiêm nghị bảo : Thủ của ta giống như ngựa. Muốn

nhỏ hết đuôi ngựa phải nhỏ từ từ muốn thắng địch thì phải đánh dần dần. Nhỏ một lần hay đánh ồ ạt đều bị thất bại. Chuyện xưa này chưa bài học điềm tĩnh vô giá. Trong xã hội biết bao nhiêu người vì thiếu đức tánh vàng ngọc này mà chẳng những thất bại việc hiện tại lại còn dấn ra những việc ác ở tương lai khiến đời họ là một chuỗi thất bại.

2 — Đức điềm tĩnh là gì ?

Điềm tĩnh là nhân đức luân lý giúp ta giữ tâm hồn và tướng diện bình thản khi gặp nguy hiểm hay những gì nghịch ý trong đời sống hằng ngày.

a) Là một nhơn đức. — Có người ăn ngày nay không biết ngày mai, lòng bất động trước nguy hiểm xảy ra cho mình hay cho kẻ khác. Kẻ khác nghèo đến trốn, sớm cơm chiều cháo mà cứ ngủ ngày, đi dạo xóm đánh cờ, bàn phiếm, ngâm thơ nữa. Những thái độ đó không phải là nhơn đức mà là tật xấu của kẻ non trí không biết lo xa. Người có đức điềm tĩnh là người tận dụng hai năng lực tinh thần trí tuệ và ý chí để thấy xa, để tự chủ.

b) Tâm hồn, diện tướng bình thản. — Trước nguy hiểm họ cũng sợ, cũng bối rối, lo âu như bao nhiêu người khác. Nhưng họ dùng trí tuệ cứu xét nỗi khó khăn, coi cái lợi cái hại, tìm những phương thế chiến thắng trở lực, tiến tới thành công. Họ ôn lại dĩ vãng, rút bài học kinh nghiệm. Họ chia việc làm cực khổ hiện tại ra nhiều phần rồi thực hiện từng giai đoạn. Hướng về tương lai, họ không nhắm mắt tiến quàng mà đề phòng cẩn thận.

Một tài năng họ xử dụng không kém nữa là ý chí. Những tình dục nổi lên làm tâm hồn họ nao động, trí tuệ họ mờ mịt đều bị họ dùng ý chí trấn áp thẳng tay. Họ

cường dững làm chủ, coi lái con thuyền tâm tính của mình. Vì đó từ tâm hồn đến ngoại thân, dù gặp cơn nguy hiểm hay trường hợp bị dấn đến đâu họ đều như như bất động.

c) Nguy hiểm và điều nghịch của tha nhân. — Nói cho đúng người điềm tĩnh không để ngoại vật có quyền lay động nội tâm hay ngoại thân họ. Họ cũng bị kích thích, bất mãn, bồn chồn như bao nhiêu người khác, song họ lo giải quyết cách khéo léo hơn là ưm sùm tỏ ra yếu đuối, khiếp sợ hay nói ra giải quyết mà không làm việc gì có hiệu quả khả quan. Bao lâu còn loài người là còn tật xấu. Tật xấu của tha nhân là cái gì khách quan, độc lập với tâm hồn ta. Nếu không điềm tĩnh, ta bực dọc, than trách tật xấu người xung quanh cứ tiếp diễn. Nếu biết điềm tĩnh, ta coi như không có. Lợi được nhiều mà nhứt là lòng ta khỏe và khỏi bị ai ghét.

3 — Tật xấu nghịch đức điềm tĩnh là đa cảm

Trong cuốn *Đức điềm tĩnh* chúng tôi viết : *Người đa cảm là người khi gặp một sự kiện, một*

hiện tượng, một tư tưởng gì thì con người sinh lý và tâm lý xúc cảm nao nhiệt. Trong họ mất cả sự quân bình. Thần kinh căng thẳng, Quả tim đập nhanh. Máu chạy bất hoà. Sắc diện biến đổi. Tay chân có nhiều bắp thịt phai phát run. Tâm trí bồn loạn. Lý trí và ý chí bị dục tình, uy hiếp, lôi kéo, điều khiển. Ý định cấu thành do sức thúc đẩy của bản năng. Lời nói hành động, đều là những xung động. (Đức điềm tĩnh). Trong tác phẩm trên chúng ta đã trình bày những hình thức của chứng đa cảm. Dưới đây chúng tôi toát yếu những điềm chánh.

Người đa cảm là người dễ xúc động, biến dịch, bị kích thích, bộc lộ, chấp nhứt, thương tâm, quá lộ, cầu thả, sốt sắng.

1) *Người đa cảm dễ xúc động.* Gặp một biến cố, một ý tưởng nào là họ xúc động mạnh. Tình dục kéo đến vấy hăm tâm hồn họ. Họ nói năng, hành động ngoài sự soi sáng của trí tuệ và sự điều khiển của ý chí.

2) *Người ta đa cảm dễ biến dịch.* Họ đổi tánh như chong chóng đổi chiều. Họ hứa hẹn mà không giữ cũng rất dễ.

3) *Người đa cảm bị kích thích nhất.* Tâm hồn họ nhạy như cánh bướm non. Một biến cố con con có thể làm họ tán loạn tinh thần. Lúc làm việc gì họ hay có tật la ó đình đám. Kết quả nhứt khi là núi chuyền bụng đẻ ra chuột lắt.

4) *Người đa cảm dễ chấp nhứt.* Đối với tha nhân, họ rất khó tánh. Chẳng những họ khó tha lỗi mà còn ưa vạch lá tìm sâu tật xấu của kẻ chung quanh.

6) *Người đa cảm dễ thương tâm.* Thấy ai bị hoạn nạn họ cảm động lắm. Nhưng không phải cảm thương để giúp đỡ mà chỉ thương tâm bằng mỗi tình lửa rơm rồi thôi.

7) *Người đa cảm dễ quá lỗ.* Họ ưa phán đoán cái gì cũng tuyệt đối. Lúc mê say công việc gì họ làm sống chết đến khi thất bại mới rên hối hận chớ không biết cân đo trước lợi hại và hành động điềm tĩnh.

8) *Người đa cảm dễ cầu thả.* Đầu óc phán đoán vụt chạc, nên khi hành động họ không làm việc gì cho đến nơi đến chốn. Họ khởi sự, làm lấy có, lấy rồi nếu gặp khó khăn thì « bán đồ nhi phế ».

9) *Người đa cảm dễ sốt sắng.* Họ có những tin ngưỡng bông bột mà mau tàn. Đi chùa có thể họ giựt quán quân nhưng khi ham của họ vẫn cho vay ăn lời cắt họng.

4— Nguyên nhân khiến ta mất điềm tĩnh. Trong *Rèn nhân cách* bàn về nguyên nhân khiến ta mất điềm tĩnh, chúng tôi trình bày ra nguyên tắc chính theo Marcelle de Somer.

1) *Nguyên nhân tự nhiên.* Tức là có gia truyền đa cảm mang trong mình bản chất tự nhiên dễ xúc cảm mạnh.

Ai có nguyên nhân này phải dùng tâm linh dục chế ngự tình dục nhiều năm lắm mới có thói quen tự chủ điềm tĩnh.

2) *Nguyên nhân thù đắc.* Đó là những tập quán. Tập quán của họ tự tập hay do người xung quanh khiến họ mắc.

3) *Nguyên nhân tạm thời.* « Những nguyên nhân tạm thời này có hai thứ, một thứ xảy ra trong một thời gian hay lặp đi lặp lại và một thứ hiện hình một lúc ngắn rồi thôi » (R.N.C, trang 193).

a) Nguyên nhân loại nhứt có thể chia ra nguyên nhân ngoại lai và nội tại. Nguyên nhân ngoại lai sinh ra bởi nghề nghiệp, tiện nghi kìm thời làm cho thần kinh bị kích thích quá mạnh. Nguyên nhân nội tại thường sinh ra bởi đồ ẩm thực như trà, rượu, thuốc lá,

b) Nguyên nhân loại nhì là nguyên nhân nhỏ nhặt xảy ra bất ngờ gia tăng cường độ bị kích thích của ta, khiến ta mất điềm tĩnh. Đang nóng bỏng bị ai chọc ta nóng thêm, la ó.

Nếu biết đề phòng các nguyên nhân nói trên và dùng những bí quyết tích cực để luyện đức điềm tĩnh thì nó sẽ gây cho ta những lợi ích khả quan.

5 Giá trị đức điềm tĩnh.

1) *Điềm tĩnh để cao nhân cách.* Epictète, một triết gia thuộc phái khắc kỷ nói : « Không nên sợ nghèo, sợ chết, nên sợ sự sợ hãi. » Chỉ nên sợ sự sợ : người thốt ra lời ấy thật đã vạch rõ chỗ chỉ cực của anh đứng. Ở đời chỉ nên sợ cái sợ thôi nghĩa là không sợ cái gì cả. Đây không phải là thái độ của con người kiêu căng, phách lối, nông nổi, liều lĩnh

hung ác. Vì nếu như vậy thì người ta một phần nào sợ gì chịu thua tình dục rồi. Xét cho cùng lý, thì con người chỉ phải sợ Thượng đế thôi. Mà cái sợ con người đối với Thượng đế là tâm tình sợ căn cứ trên tình yêu mến, kinh phục chứ không phải là kinh khủng tiêu cực của tội nhân đối với quan tòa hay đoạn đầu đài. Epictète khi thốt ra danh ngôn trên chắc chắn là không nghĩ đến sự kính sợ Thượng đế. Ông theo triết lý khắc kỷ, coi thường đau khổ, ưu sầu. Có chết cần rằng chịu chứ không sợ ai, không đầu hàng trở lực. Sau ông, Alfred de Vigny viết : « *Van xin, rên xiết, khóc than tất cả đều bạc nhược như nhau.* » Tình thần anh dũng theo phái khắc kỷ và Epictète và Vigny là tin đồ có màu sắc kiêu hãnh, tự đắc. Sự khôn ngoan dạy ta thực hiện lời chỉ giáo của ông dè dặt hơn. Ta là tạo vật còn Thượng đế là Tạo hóa : Ta kính sợ người là việc khiếm tốn hợp lý. Còn sự sợ tiêu cực tỏ ra bạc nhược vì tự ty trước sức mạnh, tiền của, chức quyền, hình phạt thì nhút nhát không nên có. Nói vậy không có nghĩa là ta khinh rẻ những uy quyền chánh đáng. Ở đây nói thái độ tinh thần của con người thanh lặng, dùng điềm tĩnh chế ngự tình dục dù phải lâm vào hiểm nguy đến đâu. Giá có lỗi lầm, giá bị hình phạt nặng nề thì chịu lỗi, sửa lỗi, đền lỗi, rồi lo làm lại cuộc đời chứ sợ thì nhút nhát không. Sợ theo triết học làm tình dục xô đẩy ta xa lánh một cái ác khó xa tránh. Như vậy nó là cái gì chủ quan. Một tên tử tù run sợ bên đoạn đầu đài cũng bị đặt trước cái chết như một Socrate điềm tĩnh bên độc dược. Tên tử tù có run lên từng thớ thịt, sự sợ của hắn không thay đổi từ hình của hắn. Lưỡi dao cứ đi qua cổ hắn. Socrate bình tâm coi thường cái chết. Và ai lỗi ai lời hơn, ai can đảm hơn ?

Vậy đối với sự sợ, một tình dục, một cái gì chủ quan không thay đổi được tình thế khách quan, khi tình thế này phải đến, ta nên theo lời khuyên của Epictète là thượng sách. Thái độ chỉ cực điềm tĩnh đó làm cho nhân cách ta phát triển, giá trị con người ta gia tăng. Khi bị sự cảm dỗ cả những lúc lỗi lầm trăm phần trăm, ta hãy biết nhận lỗi phục thiện, sợ Thượng Đế, lo làm lại cuộc đời. Còn đối với tất cả những ai, những gì khác ta không cứng đầu mà nhút nhát không để cái sợ nào động tâm hồn. Ta có thể tự đọc mấy câu thơ này của Phan-Khôi để củng cố tinh thần :

Làm sao cũng chẳng làm sao

Dẫu có làm gì cũng chẳng làm chi.

Làm chi cũng chẳng làm chi

Dẫu có thể nào cũng chẳng làm sao.

2) *Điềm tĩnh là bí quyết thành công.* Hầu hết những bậc vĩ nhân trên đời đã để lại những sự nghiệp bất hủ đều là những tâm hồn chỉ cực điềm đạm.

Quân dữ ở ạt tìm bắt Chúa Giêsu giữa đêm tối. Người hỏi : « Quý ông đi tìm ai ». Toán lính trả lời : « Tìm Giêsu Nazarét. » Chúa Giêsu điềm tĩnh chỉ mình nói : « Chính ta đây. » Nếu bạn nói Chúa Giêsu là Thượng Đế giáng trần làm sao ta bắt chước nổi thì còn thiếu gì danh nhân đầu đen máu đỏ như ta : Socrate chậm chậm uống cái chết trong độc dược. Khổng Tử du thuyết bị vây mà cứ dờn hát. Gandhi gầy yếu mà lãnh đạo phong trào Ấn chống thực dân Anh, điềm tĩnh chịu khổ đến dân Anh là dân nổi tiếng điềm đạm thế giới mà còn thân phục.

Muốn làm nên trên đời ta hãy lấy những gương này làm khuôn vàng thước ngọc.

3. — Điềm tỉnh gây uy tín.

Trong *Rèn Nhân Cách* chúng tôi viết : « Trong những khi sống chung với quần chúng những người điềm đạm nổi bật lên. Bao kẻ xung quanh họ tưởng rằng cho đáng thiên hạ để ý tới mình, kính phục, khen lao mình, thì phải ăn to nói lớn, đa ngôn, lóc chóc. Người điềm đạm có diện tượng lầm lì, ngó cách lạnh lạt sự náo động của kẻ khác, đi đứng thân nhiên, lúc phải nói với sắc mặt lạnh như bàn thạch, với giọng nói êm dịu nhưng cứng rắn, trầm tĩnh mà không lơ đãng. Bao nhiêu cặp mắt đều phải hướng về họ, bao lỗ tai đều phải vánh lên nghe từng âm thanh của họ. Vào những khi cần giải quyết các vấn đề quan hệ, bao kẻ khác phải xôn xao cãi lại, họ cố thái độ trầm tư mặc tưởng, hình như không quan tâm đến ai, nhưng sau cùng ai cũng quan tâm đến họ để cho sự phán quyết có giá trị ». (*Rèn nhân cách nhà Nhân-Xã* trang 188). Họ là hạng người mà thượng cấp giao việc lớn và hạ cấp trông cậy sự che chở.

6. — Phương thể luyện đức điềm tỉnh.

Về mặt tiêu cực ta phải đề phòng các nguyên nhân làm ta mất điềm tỉnh nói trong một số trên. Dưới đây chúng tôi bàn vài phương thể tích cực. Cũng theo như trong cuốn *Đức điềm tỉnh*, chúng tôi chia các phương thể này ra hai phương diện : tâm thần và thể xác.

A — Phương diện tâm thần.

1) *Độc lập tinh thần*. Quyết định theo đầu óc mình sau khi bàn hỏi suy nghĩ chu đáo.

2) *Tự tin* : Mình không tin mình, ại tin mình ? Đã không tin mình thì tất nhiên sợ thất bại. Làm sao điềm tỉnh ?

3) *Dám lãnh trách nhiệm* : Coi trách nhiệm chính đáng là việc riêng của con người điềm đạm.

4) *Khiêm tốn* : Tự biết giá trị của mình và của người.

5) *Cường dũng* : Không hề biết sợ cái gì cả, chỉ sợ cái sợ thôi (Epictète).

6) *Kiểm soát cuộc đời* : Biết nhìn đời bằng cặp mắt của mình mà không dễ bị ảnh hưởng xấu.

7) *An phận* : Tin vào ơn quan phòng, tận lực nên người về mọi mặt rồi bình tâm sống với cái mình có mà không oán trời, trách người, than số phận.

8) *Ấn chịu đau khổ* : Không tìm khổ, song khổ đến tránh không được thì chịu với nụ cười.

9) *Nhịn*. Coi sự phục thù tiểu nhân là việc làm của kẻ còn dã man.

10) *Tánh nết điều hòa* : Sống một mực với bất cứ ai, trong bất cứ hoàn cảnh nào.

11) *Bình tâm* : Không hề để một ngoại vật nào giựt dấy tâm hồn mình khiến ta náo động.

12) *Thành thật* : Láo là khiếp nhục.

13) *Sống luân lý* : Quân tử thật là tri hành hợp nhất

14) *Chú ý* : Tâm hồn tản mát là tâm hồn của kẻ nhất đảm.

15) *Sâu sắc* : Biết thấy cái thiện trong cái ác, cái gì trong cái thực. Già dặn sống.

16) *Yêm tài* : Khoe là bệnh của kẻ yếu tinh thần.

17) *Trung dụng* : Quá lộ là tật của kẻ thiếu khôn ngoan.

18) *Di ân báo oán* : Bạc ơn là bình của phạm nhân. Tri ơn là việc làm của siêu nhân.

19) *Siêu thoát* : Có tâm hồn hướng thượng. Đừng quá bận rộn với những phiền toái vật chất.

20) *Tùy thời* : Không đua nịnh người nhưng tùy cơ ứng biến.

21) *Bác ái* : Trọng tha nhân vì họ là nhân vị.

B— *Phương diện thể xác* :

22) *Diện tướng bình thần* : Vui vẻ nhưng diện tướng luôn nghiêm trang.

23) *Phong độ ôn hòa* : Kỷ lưỡng khi nằm, ngồi, đứng, đi, chạy.

24) *Hạ khẩu* : Cân lời nói như cân vàng.

25) *Thái độ nhã nhặn* : Xử đối mềm mỏng.

26) *Ăn uống vừa phải* : Coi chừng cao lương mỹ vị làm sa luy tâm hồn.

27) *Lễ độ* : Thủ lễ với mọi hạng người như là hạng dưới vì giai cấp này rất giàu tự ái bởi tự ty.

28) *Cân nhắc điều bộ* : Đừng để khí lực tiêu ma vì những điều bộ dư thừa.

29) *Nghiêm trang trước sắc đẹp* : Nhiều thanh kiếm anh hùng bị sét chỉ vì giọt lệ đàn bà.

30) *Nói chuyện bằng cặp mắt* : Nói chuyện bằng lưỡi đã đành. Mà nhiều khi nhát sợ ta không dám ngo kể ta bàn chuyện như là khi ta nói : Phải nỗ lực ngo ngay mặt họ để nghe hay nói.

31) *Ăn nói hợp lý* : Theo đúng thời trang hợp lý : Tránh quê mùa cũng như tân tiền quá lộ đến cao bồi, thô lỗ.

2. — DANH NGÔN

1) Bình yên không thể là thính lặng trong hỗn loạn luân lý.

Baudrillard

2) Chỉ có thính lặng mới mạc khải những vực thăm của đời sống.

M. Zundel

3) Chiếc bánh xấu nhưt của chiếc xe bò là chiếc bánh kêu ồm sòm nhưt.

Talleyrand

4) Hiền cho đúng, thính lặng là nguồn phát sinh chiến thắng.

R. Plus

5) Tri mệnh chi nhân, kiến lợi bất động, lâm tử bất oán : người biết mạng thấy lợi không nao, phải chết không trách,

Tích Hiền

3. — TỰ ÁM THỊ

Vật chắc, hớp tớp đã làm đời tôi đầy hối tiếc. Tôi nhưt định là người điềm tỉnh dù phải con nguy biến đến đâu.

CHƯƠNG VIII

ĐỨC KIÊN NHẪN

« Người không kiên nhẫn là
chiếc đèn không dầu »

MUSSET

I — ĐẠI YẾU

- 1) Chuyện rèn lưỡi
- 2) Đức kiên nhẫn là gì ?
- 3) Tại sao phải kiên nhẫn ?
- 4) Phương thế luyện đức kiên nhẫn.

1 — Chuyện rèn lưỡi. Trương nước Sở mất một viên ngọc bích. Người ta nghi Trương Nghi lấy. Ông bị tra khảo nặng nề. Lúc thấy Trương Nghi về nhà, vợ hỏi : « Giá anh đổi mài kính sử, học biện luận rồi du thuyết thì đâu đến nỗi bị hành hạ vậy. Trương Nghi hả miệng, hỏi vợ : Em coi lưỡi anh còn không ? Vợ nói : Còn. Trương Nghi đáp : Vậy thì được. Từ đó Trương Nghi lo học tập, luyện nghề hùng biện và trở thành nhà du thuyết nổi tiếng vào bậc nhất thời chiến quốc. Một nhà thông thái họ nói : « Thiên tài là một sự kiên nhẫn dài ». Lời này ngoài chút dè dặt tin tưởng ở thần lực, đều trong một trăm trường hợp đúng đến chín mươi chín. Đọc tiểu sử danh nhân, ta thấy hình như không vị nào lập nên sự nghiệp mà không kiên nhẫn.

Trương Nghi là ngôi sao kiên nhẫn ở Đông. Còn bên kia trời Tây Virgile viết Énéide gần 30 năm. Platon đề tựa cuốn République bốn năm lần mới thỏa mãn. Victor Hugo

THUẬT SỐNG DỪNG

71

viết Les Misérables bốn mươi năm. Thánh Cam Địa phải mềm như chuối trong bao nhiêu năm mới làm cho ách thực dân Anh lung lay trên đầu cổ dân Ấn. Quả thực kiên nhẫn là lá bùa vạ nặng.

2. — Đức kiên nhẫn là gì.

Khi bàn về đức anh dũng chúng tôi có nói phớt qua về kiên nhẫn vì nó là hình thức của đức anh dũng. Vì nó tới

quan hệ cho đời người nên chúng tôi muốn xét riêng nó trong bài này.

Có thể định nghĩa kiên nhẫn là đức của người một mực điềm tĩnh, hoan lạc hay chịu các đau khổ, trở lực, hiểu lầm, khó học vì một lý tưởng hay, một bổn phận chính đáng.

Người kiên nhẫn am hiểu rằng việc đời nhiều khi không xảy ra như người ta muốn mà cứ xảy cách khách quan. Họ chế ngự tình cảm, thụ nhận hoàn cảnh dễ vừa thích nghi vừa tìm cách chuyển bại thành thắng. Họ coi các thử thách là lò luyện chí khí, là phương thế gia tăng giá trị. Họ thấy nhiều việc ác xảy đến mà không coi là họa cho mình vì họ tìm cách thấy trong ấy cái thiện. Họ chịu cơn khốn nạn với tâm hồn bình an và nhút là không bao giờ cầu thả những phận sự. Trong người kiên nhẫn có tự thái của một kẻ mà tâm hồn rộng như trời bể. Ở đây phải hiểu kiên nhẫn là một nhon đức. Có nhiều người kiên nhẫn vì bất đắc dĩ không thành công được rồi khum đầu chịu trong sầu buồn, bất mãn. Lắm người khác « giả đại qua ải » vì ham danh, háo lợi. Những hình thức kiên nhẫn không bộc lộ tâm hồn thanh cao. Kiên nhẫn được gọi là nhon đức, khi con người chịu cực khổ vì mục tiêu cao cả và chịu với tâm hồn vui tươi bình tĩnh. Người ta nói ngày xưa có lần Philippe II thức đến nửa đêm, cực nhọc

viết một bức thư quan trọng. Ông bảo thư ký niêm thư lại. Ngủ dậy chấp chớn thay vì lấy hũ keo, viên thư ký lấy bình mực, chế đồ tùm lum tã-la trên cái thư. Vua Philippe bình tĩnh nói : « Thôi viết lại ». Trong mấy tiếng này bạn thấy không thấp thoáng bóng một tâm hồn đạo đức cao thượng.

3. — Tại sao phải kiên nhẫn.

Muốn thấy căn yếu của đức kiên nhẫn, ta hãy biết qua những ác quả của tánh nóng giận.

1) *Tướng diện kỳ dị.* Người nóng giận có diện tướng mất bình tĩnh. Mặt họ đỏ phừng hoặc tái lét. Mắt chớp lura. Môi phều phào. Tim nhẩy hồi một như trống báo giặc. Lưỡi nói run run. Dù là người có chức quyền cao, tướng diện Trương Phi, ăn mặc sang trọng thế nào, khi nóng giận con người của họ coi cũng kỳ dị thấp hèn.

2) *Hành vi gây ác cảm.* Khi tâm hồn bị cơn lôi đình chi phối, người nóng giận hành động trên bắp gân. Họ bất kể suy nghĩ phải quấy. Nói đúng hơn họ không kịp suy nghĩ. Dục tính điều khiển họ như tay đưa bé đầy con búp bẻ. Họ ó. Họ la. Họ chưởi. Họ nói tục. Họ nhẩy, chạy, vỗ ngực, đấm bàn. Họ trợn mắt. Họ chống nạnh. Họ nói mĩa mai, nguy hiểm, bất nhậ bất thừa, lên giọng cao kỳ. Người ta thấy những sự đề hèn phát xuất ra từ tâm hồn nổi sóng của họ. Đối với tha nhân, kết quả của hành vi họ là sao ? Có gì lạ là gây ác cảm. Người ta vừa khinh rẻ họ vừa *ngán*. Chữ ngán biểu theo nghĩa phải xa tránh vì coi như một vật tởm gớm.

4 — Tai hại cho kẻ khác.

Không gì khổ nạn bằng sống dưới quyền lãnh đạo hay giáo dục của một kẻ nóng tánh. Họ coi kẻ dưới như một thú

vật hy sinh. Họ quát nạt. Họ đánh khảo. Họ ra lệnh vừa la vừa hét. Người ta phải rên xiết dưới ánh lửa của họ. Xét về mặt công ích, thật vô phước cho miền xứ nào bị họ làm lớn. Chánh nghĩa sẽ bị họ làm cho thiên hạ hiểu lầm. Công ích họ phụng sự theo đà tình dục không dây cương của họ. Ai nấy không còn mong ở họ gì hơn là họ cáo chung cho rồi với chức vụ làm lớn của họ.

Các ác quả trên của tánh nóng cộc đủ làm cho ta tin tưởng kiên nhẫn là tối cần cho nhân cách và thành công. Con người trong cơn giận sống những giây phút gọi được là của kẻ điên. Lý trí và ý chí nhường chỗ thú tánh. Bản năng y như con ngựa không cương điều khiển các lời nói, hành vi. Mà như vậy còn gì nhân cách. Và ai trên đời khỏi những cơn giận. Nếu muốn sống ra người, muốn khỏi mất phẩm giá con người, tất phải dùng đức kiên nhẫn để trị tánh nóng.

Còn cho được thành công ít ra phải tế nhị khi xã giao, thận trọng khi hành động, đeo đuổi đến mức cùng công việc đã suy tính, quyết làm và khởi công. Nếu gặp ai cũng ăn nói như bữa củi thì làm sao đắc nhân tâm để nhờ sự cộng tác. Lúc làm việc mà cầu thả, vụt chạc thì làm sao công việc được tươm tất. Lý tưởng luôn đòi nỗ lực lại bán đồ nhĩ phế thì mong gì đến chuyện thành công.

Vậy nhưt định muốn nên người, muốn đắc lực dù muốn dù không phải kiên nhẫn. Người xưa nói : *Bách nhẫn*. Lời này là bùa vạn năng của ta trên suốt đường đời.

4. — Phương thế luyện đức kiên nhẫn.

1) Cầu Thượng — Bọn phạm nhân chúng ta khi thấy ai làm nghịch với mình thì bậm hực trả thù ngay. Thượng Đế toàn tri không làm vậy. Từ tạo thiên lập địa đến bây giờ, nhân loại phạm tội chống cự Người biết bao nhiêu lần, Người nhận. Thánh François de Sales nói: « *Thượng Đế kiên nhẫn vì Người là đấng đời đời.* » Phải. Người nhìn. Người đợi đến tận thế mới tính chuyện thưởng phạt. Chúng ta yếu đuối, gần tội lỗi hãy xin Người ban cho ta ơn kiên nhẫn.

2) Dùng tâm linh dục (Pŕychoculture). — Tâm linh dục là khoa giáo dục phần tâm linh của người ta. Nếu trí dục làm con người dối dào kiến thức, thể dục làm con người vai u thịt bắp thì tâm tinh dục tiêu trừ ở tiềm thức con người, tính chất dã man và những xung động con dẻ của bản năng hướng hạ. Chỉ có khoa tâm linh dục làm cho con người *ngời* hơn. Đừng quên thiếu tâm linh dục, người đồ bằng cao, giữ chức to trong xã hội vẫn mê ăn, uống, thô lỗ, nóng giận, dâm dục, làm phách v.v. như thường.

3) Luyện ý chí. — Trong tâm linh dục, ta quan tâm nhất chí dục. Nói đến chí dục phải nghĩ ngay ba điều này :

1) Muốn cái gì.

2) Muốn thiệt chứ không phải ước.

3) Cương quyết thi hành.

Có một ý chí trui rèn già dặn như rìi tức là có óc kiên nhẫn khả quan.

4) Thực tập đức kiên nhẫn. Sau hết không cách nào luyện đức kiên nhẫn bằng kiên nhẫn. Cứ kiên nhẫn, sao cũng sẽ là người kiên nhẫn. Dưới đây là những thực tập thông thường.

1) Khi trí tuệ nhận một điều gì phải, hãy, ta đừng tin ta liền. Hãy nghiên ngẫm điều ấy lại. Phải nhồi tư tưởng đầu tiên cho đến khi các góc cạnh của nó được ta am tường. Đừng quên câu này của Spencer : *Tinh cảm điều khiển thế giới.* Mà tinh cảm sẽ chuyển thành cái gì để thúc đẩy con người nếu không phải là ý tưởng rồi từ ý tưởng đến hành động. Vậy quan hệ là « rây » ý tưởng cho sạch tinh cảm xấu để nó biến thành hành vi tốt.

2) Cầm cương ba tấc lưỡi. Đức Thánh Linh dạy ta trước khi nói phải đánh lưỡi 7 lần. Lời này là minh triết. Nếu chịu khó để ý điều mình nói, ta thấy nhiều khi trong 100 lời có đến tám, chín chục lời thừa, lạc lẽ hay vi hại. Trong trường hợp mất bình tĩnh vì sợ hãi, nóng giận lại càng cần ngôn hơn nữa. Tuân Tử nói : « Nhân bất dĩ đa ngôn vi ích, nhân bất dĩ thiện tiện vi lương : Người đừng coi nhiều lời làm ích, đừng lấy cười nhiều làm hiền ». Danh ngôn này ta lấy làm kinh nhứt tưng để nền người cần ngôn.

3) Chế ngự các hoạt động. Tất cả những việc nào dù biết trăm phần trăm là thiện là ích lợi cho mình, cho xã hội vẫn phải làm với dè dặt : Đừng cho tính dục xen vào. Giữ mực trung dung : *Virtus in medio stat* (St Thomas).

4) Trấn áp các xung động vô ích. Trong con người hay có những xung động làm cho ta cảm xúc mạnh. Yêu, giận, ghét, ghen, làm cho ta ra già hăm khỉ khọt, nhẩy nhót. Nếu thấy những xung động nào có thể làm ta nói năng, hành động thiếu suy nghĩ, gây tai họa thì đàn áp nó. Người mà sống theo các xung động thuần túy là người nô lệ bản năng hoàn toàn. Và đó là người chưa văn minh, văn minh hiểu theo nghĩa được khai hóa thuần thực. Đời của họ sẽ phải nhiều nguy hiểm vì

họ mù quáng, hành động như cái máy, cuồng bạo, um sùm mà quàng xiềng, vấp ngã.

5) *Tránh tất bần tâm sự.* Phải chịu là người tự nhiên ai cũng thích giải thoát tâm hồn lúc nó đau khổ. Người ta kiếm chỗ dựa cho nội tâm, tìm sự êm dịu cho lòng quá ê chề trong đau xót. Mà mỗi lần làm như vậy người ta tưởng bình yên hơn song kỹ thực con người tâm tình bị nghèo nàn thêm. Người ta bị mất khí lực, thấy bạc nhược, mất tự tin. Alfred de Vigny nói : « Chỉ có thình lạng là vĩ đại, tất cả cái gì còn lại là bạc nhược... Lời này đi đôi với đức khiêm tốn sẽ là châm ngôn vàng ngọc cho ta những khi lòng đau khổ.

6) *Đừng rên xiết trong phận sự.* Khi phải lãnh những trách nhiệm vụ chính đánh, gặp trở ngại, ưu sầu, cần ráng chịu. Than thở tình thế cũng không đổi. Nó xảy ra như nó xảy ra chớ đâu có như ta muốn. Lời than thở này nếu không làm tổn khí lực chỉ làm ta khinh rẻ và mất nhiều công đức.

7) *Mỗi ngày làm một việc nhin nhỏ.* Ai nhin được việc nhỏ mới hy vọng được việc lớn. Nhiều khi nóng nảy đánh rơi cái đĩa, ta mất cả cái mâm. Những thành công lớn thường kết bằng chuỗi thành công nhỏ. Nếu có tập quán kiên nhẫn trong các việc mọn, lúc gặp đại sự ta ít thấy ngán để tranh đấu với trở lực. Người xưa dạy ta « Tiểu nhẫn » quả là tỏ ra đại khôn vậy.

2 — DANH NGÔN

1) Tôi kính phục rằng cuộc đời được dựng lên không phải chỉ để sống mà còn để chiến thắng.

René Bazin

2) Không phải nỗ lực trên bấp gân và từng lúc là bần phận mà nỗ lực liên tục và đều đều.

Roosevelt

3) Kiến tha lâu đầy đờ.

Ngạn ngữ Việt

4) « Tôi sẽ khởi sự lại »... Đó là công thức thông dụng nhất của kiên chí.

J. de Courbertoe

5) Tiểu bất nhẫn tất loạn đại mưu : Không nhin việc nhỏ thì loạn mưu to.

Không Tử

3 — TỰ ÁM THỊ

Tôi tin thần lực nhưng không quên rằng tôi không bao giờ làm nên việc gì có giá trị trên đời mà không kiên nhẫn.

ĐỨC TỰ TÍN

« *Mình không tin mình thì ai còn tin mình.* »

Waterstone

1 — ĐẠI YẾU

- 1) Tôi lãnh 2.000 đồng bạc.
- 2) Đức tự tín là gì ?
- 3) Tật nghịch đức tự tín.
- 4) Giá trị đức tự tín.
- 5) Phương thế luyện lòng tự tín.

1 — Tôi lãnh 2 000 đồng bạc.

Ngày xưa ở Anh, có một hỏa tai khủng khiếp. Những bảo vật cùng các người lớn được dời khỏi nhà bị phát hỏa. Chỉ sót một đứa bé ở trên lầu cao. Bao nhiêu người chữa lửa chạy lăng xăng, lộn xộn mà không ai dám xông pha giữa biển lửa để lên cứu đứa bé. Chủ nhà hứa đền 2.000 đồng bạc cho ai can đảm làm việc anh hùng này. Lửa cứ ngàn ngút nuốt mảy từng lầu. Đức giám mục Apchon lấy một cái mền nhúng nước bọc quanh mình, leo như chớp lên thang lầu, giựt đứa bé, bế xuống gọn gàng giao cho mẹ nó và bảo : *Tôi lãnh 2.000 và tôi đặt trên đầu đứa bé.* Thực là một gương hi sinh, can đảm mà cũng là một gương tự tín. Không rút rè như bao nhiêu người nhát khác, cũng không liều lĩnh hành động mù quáng, Đức Giám mục Apchon lượng sức mình có thể thành công, tin mình phải thành công và ông thành công thật.

Tự tín là nhưn đức luân lý giúp ta không kiêu căng, liều lĩnh nhưng biết rõ năng lực của mình, tin mình có thể làm được công việc nào đó và cương quyết làm cho được.

1) Là một nhân đức. Người hành động bất kể thiên lực hay sự cộng lực của kẻ khác mà chỉ biết có năng lực của mình là người quá tự ý. Hành động của họ không phải là nhưn đức mà là sự liều lĩnh, thiếu khôn ngoan, có thể rước bao nhiêu tai hại. Tự tín là đức tánh của kẻ tận dụng nhân lực mà không quên thiên lực và tha lực. Họ suy tính trước khi hành động. Khi bắt tay vào việc không tự ty, ý lại đến nản lòng, thất bại.

2) Không kiêu căng, liều lĩnh. Không tự ty ý lại, cho người tự tín không có nghĩa là kiêu căng liều lĩnh. Có thứ người nhát đảm rút rè như gián ban ngày, không bao giờ có chí mao hiểm, nghe việc khó bắt sợ, lúc nào cũng cạy vào người mà khinh rẻ mình. Nghịch hẳn lạng người nhát đảm là kẻ quá tin cậy mình đến đổi kiêu căng. Họ tưởng có thể làm được hết mọi việc mà không phòng trước, ngừa sau, cứ nhắm mắt làm càng. Cả hai đều là mồi ngon của thất bại. Người tự tín dám làm với khiêm nhu, dè dặt. Họ nhắm lý tưởng hoạch định chương trình đoán kỳ hoặc trường kỳ, chuẩn bị những phương thế, đề phòng các trở lực, học hỏi kinh nghiệm của mình và của người rồi khi cương khi nhu cứ tiến đến thành công.

3 — Tật nghịch đức tự tín.

Là sự thất bại. Thật ra chứng bệnh tinh thần này ai cũng có. Nhưng ở đây chúng tôi muốn nói thứ người tự bản chất